**Trần Vũ**

Giáo sĩ

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Giáo sĩ](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Trần Vũ**

Giáo sĩ

  Alexandre Lucien Abel de Rhodes mang gương mặt thống khổ và si mê của oan hồn  chưa hề biết đến tình yêu. Những ai bắt gặp giáo sĩ những năm thánh chiến, thảng thốt nhận ra bóng ma mang nỗi buồn chín thối ruột gan của một người đàn ông chưa toại nguyện thân xác. Hôi thối đến nỗi những người lính Marốc của tiểu đoàn 10 Tabor tăng cường cho trung đoàn 3 Lê Dương phải bịt mũi trước xú uế nồng nặc bốc toả từ nhà thờ chính toà Cao Bằng. Thời kỳ đường thuộc địa số 4 chưa bị cắt, con đường hun hút treo vắt qua những triền núi thăm thẳm, các chuyến quân xa hãy còn tấp nập đổ những đám lính say rượu ầm ĩ xuống xóm nhà thổ, pháo đài đầy rẫy hiện tượng. Mỗi khi Alexandre de Rhodes thăm các họ đạo, các ruộng mạ mới xanh mơn mởn bỗng dưng héo úa hoá ra cằn cỗi rồi đổ rạp xuống thành đống rạ cũ mốc như đã cháy khô từ bao kiếp nào. Các gốc sữa chai sần không thể trổ hoa và ngay đến con sông Hiểm nổi tiếng hung dữ, mặt nước bình thường cuộn siết xoáy nhận chìm biết bao bè gỗ cũng vụt trở nên lặng lờ thiu chảy. Nỗi buồn thống thiết trống vắng tình yêu ở cha cố lây lan đến khắp vạn vật, kể cả con người. Mỗi sáng chúa nhật rước lễ, trông thấy De Rhodes hiện hình trên bục giảng, các con chiên giáo xứ oà khóc vật vã tức tưởi như vừa trông thấy chính đấng Chirst đang chịu thương khó trên thập tự giá. Chứng trầm uất Thừa Sai phủ trùm lấp pháo đài đến mức những tháng sau cùng trước trận đánh đường biên giới, đại tá Antoine Marie Pierre Charton chỉ huy trung đoàn 3 Lê Dương và cố thống chế Ney tư lệnh khu biên thùy đông bắc phải nghiêm cấm các binh sĩ lui tới nhà thờ để tránh hội chứng cô buồn giáo sĩ. Đó là thời kỳ Cao Bằng thác loạn với những trận làm tình thâu đêm của lính Lê Dương, những trận cười suốt sáng ở xóm thổ, những viên thuốc tẩy não vong bác sĩ Louis Pasteur phát cho các đứa bé mắc chứng trừu run chân, của bệnh viêm khứu giác Marốc không chịu nổi xú uế, của những cô gái Mèo khâu vá màn trinh vội vã và của cả những linh hồn sĩ quan da trắng thất lạc trong kế sách bình định của tổng chỉ huy Carpentier.
              Vương cung thánh đường thị xã mang kiến trúc Y Pha Nho thời Phục Hưng pha lẫn kiến trúc nặng nề Áo Phổ. Thời đó, các xóm lương đã gọi giáo đường là Lăng Cha Cả, ai cũng biết giáo sĩ De Rhodes chết từ lâu lắm, vong hồn chưa siêu thoát, còn đợi ngày phán xét cuối cùng chưa xẩy đến, hãy còn quyến luyến Đông Dương vùng đất ông đã đến truyền giáo và lập chữ viết bản xứ. Tất cả giáo dân kính trọng quyết định của toà thánh, cho phép vong giáo sĩ trở về cai quản địa hạt Cao Bằng, nhưng nhà thờ chính toà đã mục nát lắm. Ngoài mùi xú uế xông từ nỗi buồn chín thối ruột gan của cha cố, hình như không còn thứ gì tươi tốt. Từ những nhành huệ đã tàn rữa rụng chậm chạp, những trang kinh thánh đã hoá tro, các chân nến đã hết sáp nhưng vẫn tiếp tục cháy ngọn lửa leo lét mà không ai hiểu vì sao, đến các băng gỗ cũ mục mối mọt kê dưới chân tượng thánh Michel đã bắt đầu nổi ghẻ và tháp chuông thẳng đứng cao vút cũng chìm trong vũng mây xiêu đổ hoang tàn. Alexandre de Rhodes chui rúc trong nhà nguyện. Giáo sĩ mặc cảm với tất cả mọi đàn bà sinh sống trong pháo đài từ lúc nhận chân ông đã bị thượng đế tước mất chức năng đàn ông, từ lúc khám phá rặng sữa sau nhà thờ không bao giờ có thể đơm hoa trắng và vườn cà ông trồng đã ba trăm năm không thể cho trái. De Rhodes chỉ còn một nỗi đam mê cuối cùng duy nhất. Nỗi đam mê tiểu thuyết.
              Hiếm ai biết những cuốn tiểu thuyết An Nam diễm tình dịch sang tiếng La Tinh và Bồ Đào Nha bày bán ở hiệu sách Tôn Thọ Tường những tháng đầu năm 1950 do chính tay Alexandre de Rhodes chuyển ngữ. Giáo sĩ kinh hoảng khám phá thứ chữ ông ký âm ba thế kỷ trước đã trở nên lúc nhúc đông đúc thoát ra khỏi quy tắc văn phạm do chính ông thiết lập trong tự vị Việt Bồ La. Lúc sinh tiền, De Rhodes đã nhận ra mọi thứ biến hoá cấp kỳ ở An Nam. Lần chứng kiến cố Du tử đạo, De Rhodes đã để ý những khóm dứa trồng quanh pháp trường chỉ cao bằng đọt măng tây, đã lớn nhanh như thổi từ lúc đao phủ của Chúa Nguyễn hươi đao cho đến khi chặt thủ cấp cố Du, đã đơm trái chín vàng ngọt rụng xuống các gánh hàng rong xăm que bán cho khách đi xem hành quyết. Mãi về sau ông mới hiểu, khóm dứa nhờ thấm phân cố Du quá sợ hãi vãi đái mà lớn nhanh như vậy. De Rhodes cũng chứng kiến sắc tộc Kinh có khả năng học ngoại ngữ rất nhanh. Những ngày ở Đàng Trong, khuyến khích các con chiên vừa mới theo đạo xưng tội, De Rhodes để ý các cô gái chỉ biết khai bằng tiếng Khmer ông không sao hiểu, nhưng cũng các cô gái đó, khi lập gia đình đến nhờ ông làm phép giao, đã nói lưu loát tiếng Trung Hoa và khi De Rhodes rửa tội cho đứa con đầu lòng, các cô dâu trẻ đã biết nói merci  và xin pourboire.  Thời kỳ trông coi giáo phận Cao Bằng, De Rhodes quyết tâm dành hết thời gian khám phá những bí ẩn trong con người An Nam. Ông không còn ăn bổng lộc của hội Thừa Sai và có đủ thời gian cần thiết cho đến ngày chúa sống lại. De Rhodes tin bí mật sắc tộc Kinh chỉ có thể phô diễn và lưu lại qua chữ viết. Ông bắt đầu lùng sục những chợ sách, nhưng rất nhanh De Rhodes ngạc nhiên thấy tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh in hệt tiểu thuyết Pháp, tiểu thuyết Phạm Duy Khiêm,  Nguyễn Trọng Quản không khác mấy thời ông viết Phép Giảng Tám Ngày và tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng châm biếm nhức nhối ông không sao hiểu hết. Giáo sĩ bắt đầu tuyệt vọng, ông ợ hơi thum thủm và nỗi buồn chín thối ruột gan càng lúc càng nồng nặc thối hoăng khắp vùng. Các họ đạo xa lánh dần nhà thờ, mỗi lúc làm lễ De Rhodes phải giảng kinh Sám Hối ven sông Bằng Giang để gió xua bớt mùi thối. Giáo đường mỗi lúc một hoang vắng, ngay cả dì phước Louise Marie de Bourbon, nữ tu không còn chức năng đàn bà, cũng không dám thường xuyên đến chăm sóc cha cố, chỉ liên lạc với cố đạo qua thư tín. Tấm áo chùng gai của Alexandre de Rhodes không còn được dì Louise giặt giũ, mỗi lúc một cũ nát, bẩn thỉu và chảy nước vàng của chứng thối ruột. Nhà thờ chính toà trở nên thê lương, mối ăn ruỗng các cột quân và vòm mái đìu hiu leo lét tim đèn không còn dầu. Các xóm đạo chung quanh đã phải dọn đi vì sợ giáo đường sụp đổ bất cứ lúc nào. Cho đến ngày vong cố Du Paul Marchand ghé thăm, thâm tạ De Rhodes đã tiễn đưa ra pháp trường Thọ Đức lúc lâm chung, đã mách chỉ cho giáo sĩ thư viện to lớn cổ xưa của nhà thờ xây chìm sâu trong một căn hầm đá, lúc đó, Alexandre de Rhodes mới khám phá ra Tự Lực Văn Đoàn.
              Alexandre Lucien Abel de Rhodes đọc miên man những cuốn tiểu thuyết diễõm tình. Giáo sĩ không ra khỏi hầm đá, ăn uống tiêu tiểu ngay bên cạnh giá sách Tự Lực. Thậm chí ông không có thì giờ vén áo chùng mỗi khi đại tiện. De Rhodes đọc đi đọc lại những cuốn tiểu thuyết, đọc hết chương này sang chương khác, đọc hết cuốn này sang cuốn khác, ông vừa tra tự vị mỗi khi gặp những chữ mới không do ông ký âm, vừa phiên dịch sang tử ngữ La Tinh và tiếng Bồ Đào Nha, ông bắt gặp trở lại niềm đam mê cuồng nhiệt nồng thắm ngôn ngữ thời trẻ, và càng đọc De Rhodes càng cảm văn phong trong sáng rất gần gũi Tây Phương vừa đầy tâm lý ý nhị An Nam. Giáo sĩ dịch bốn cuốn Bướm Trắng, Đôi Bạn, Anh Phải Sống và Gánh Hàng Hoa gởi cho các nhà xuất bản Âu Châu nhưng ông chỉ nhận được những hồi âm thờ ơ của nhà Pléïade cho biết thị trường tiểu thuyết Đông Dương không chạy, nhà xuất bản Plon trả lời thẳng truyện dài An Nam còn quá phôi thai chỉ sao chép lại tiểu thuyết Pháp, và nhà Flammarion chê bản dịch chưa chuẩn. Nhưng giáo sĩ không nản chí, ông gởi bán ở hiệu sách Tôn Thọ Tường bên hông Pharmacie de Garde thị xã. Thỉnh thoảng De Rhodes cũng nhận được thư độc giả của các sĩ quan trung đoàn 3 phê bình này nọ. Thư của cố hải quân thiếu tá Henri Rivière khen ngợi văn rất mạch lạc, gẫy gọn, khúc chiết, chỉ ít scène gây cấn. Thư của cố hải quân đại úy Francis Garnier nhận xét nếu thêm chút dâm dục, da diết, dữ dội và loạn luân sẽ lôi cuốn hơn. Thư dì phước Louise thích đặt biệt truyện Vợ Chồng A Phủ của Tô Hoài hơn hết… Các thư độc giả khiến De Rhodes càng hăng say mê mẩn, ông đọc Đời Mưa Gió như sống một mối tình thật sự. Lần đầu tiên giáo sĩ khám phá trong tiểu thuyết ghi chép những điều mà kinh thánh không hề nhắc đến. Đời Mưa Gió ghi chép tất cả tâm trạng con người khi yêu mà De Rhodes chưa hề thấy trong Tân Ước, Cựu Ước. Ông si mê Đời Mưa Gió đến quên đại tiện, quên lễ mifa, quên cả làm phép sức dầu ở nhà xác thị xã cho toán lính Marốc vừa tử trận. De Rhodes dịch mê man Đời Mưa Gió, ông viết thoăn thoắt tựa như chữ đã nhập vào mình, tựa ông đã sống ở phố Quan Thánh nơi nhân vật Chương sinh sống, tựa đã trông thấy Tuyết uống champagne và khiêu vũ. De Rhodes viết đêm ngày, trăng lên trăng xuống ông không hay, mưa bão ông không hề biết, viết đến rách giấy, viết đến thủng bàn gỗ cẩm lai khiến ý văn tung toé, chảy lai láng trên mặt đất. Thậm chí bình mực đã cạn giáo sĩ vẫn tiếp tục chấm, tiếp tục viết đến lúc ngòi bút cùn vẹt, cán bút lụn dần rồi biến mất mà mực vẫn cứ tiếp tục trào ra chảy ở đầu ngón tay ông sưng đỏ như quả ớt.
              Những năm thánh chiến, ở Cao Bằng xuất hiện một hiện tượng kỳ quái, không liên quan đến giáo sĩ, mỗi cuối  tháng ở nghĩa địa đất thánh Tây ùn lên một đám mây xám ẩm ướt lạnh lẽo phủ trùm khắp hai bờ sông Hiểm. Chính một trong những áng mây nặng chì u uất xám lạnh này đã len lỏi bay xuyên qua vách tường đá của căn hầm thư viện. Nhưng De Rhodes không trông thấy, ông vừa dịch đến câu chữ cuối, đóng bản thảo rồi lim dim mắt. Chưa bao giờ giáo sĩ hài lòng đến vậy suốt kiếp ma khắc khoải không lối thoát. Ông vừa hoàn tất công trình phiên dịch văn chương trác tuyệt, vừa cho các nhân vật tiểu thuyết Tự Lực một kiếp đời khác, trong một ngôn ngữ khác. De Rhodes nhắm mắt sung sướng, gương mặt ông phản chiếu trong mây nỗi hân hoan nhẹ nhàng của cậu bé Alexandre khi rước lễ thành niên lần đầu trong thành Goa. Đã lâu lắm De Rhodes quên ngủ. Từ sau khi chết ba trăm năm, ông không còn phân định được tương lai, thực tại hay quá khứ. Nhưng buổi sáng đó, buổi sáng ngập mây xám trong tầng hầm vách đá của nhà thờ chính toà Cao Bằng, cha cố bất chợt nhớ đến thời trẻ đã có lần trông thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp, đội khăn vành trắng không rõ mặt nhưng ánh mắt đen tuyền lấp lánh nghịch ngợm và mái tóc đen bóng của đàn bà Bồ Đào Nha đã để lại trong lòng cậu bé Alexandre nhiều luyến tiếc. Alexandre đã ước mơ được đi theo thiếu nữ, sau rước lễ, cùng sóng đôi rảo bước trên những con đường lát đá cổ xưa của bến cảng trông ra đại dương mênh mông xa vắng, cùng nắm tay trong các lối đi quanh co nhỏ hẹp giăng hoa, treo cờ ngũ sắc và thắp đèn lồng của ngày kiệu Maria. Alexandre cảm giác anh đứng gần lắm thiếu nữ, gần có thể chạm được vào những đầu ngón tay thuôn mảnh dẻ nhú ra ở ống tay áo mỏng, gần đến mức có thể nghe được làn da cô gái đang hô hấp, gần sát đến nỗi anh trông rõ hàng mày đen tinh nghịch đang nhíu cong trông đợi. Alexandre nghĩ anh đang đứng cạnh đức mẹ Maria thời còn con gái. Cả hai chờ đợi nhau lâu lắm, chờ đợi tiếng thở của mỗi người lên xuống trong lòng ngực tràn máu ấm. Thiếu nữ chỉ đợi anh mời lôi kéo vào điệu vũ rước đám đang tưng bừng trẩy hội, để ngã mình xoay trong vòng tay đưa đón của Alexandre điệu múa của sóng biển. Song vũ trụ bất động. Chiếc bánh thánh còn ngậm trong miệng khiến Alexandre không thể cất tiếng. Đức hồng y Richelieu của hội đồng giáo phẩm tối cao toà thánh đã không ngừng răn đe: Các con chiên không được nhai nuốt bánh thánh, chỉ có quyền ngậm cho đến khi mình thánh Chúa hoá thân thành xương thịt của mỗi con chiên, nếu không lửa thiêng sẽ đổ xuống trái đất đời đời. Alexandre nhắm mắt, nước mắt anh chảy ra vì đau đớn, cho nỗi đau bẩm sinh tật nguyền của một thiếu niên mười bốn. Đến khi chiếc bánh thánh tan di, Alexandre mở mắt, cô gái đã biến mất. Alexandre còn trở lại giáo đường nhiều lần nữa với hy vọng gặp lại thiếu nữ, anh đã trở lại nhiều lần đến nỗi thuộc lòng hết bốn ngàn bản thánh ca, thuộc lòng tất cả những bài giảng của các linh mục, thuộc lòng toàn bộ kinh thánh và trở thành cha xứ Dòng Tên lúc nào anh cũng không hay. Alexandre trông coi nhà thờ Goa trong nhiều năm, với hy vọng gặp lại thiếu nữ có đôi mắt đen láy đầy khát khao sự sống, đến lúc gần tuyệt vọng, anh được tin người đàn bà đã kết hôn và theo chồng đi khai trí Châu Á. Cha xứ De Rhodes dấn thân vào hành trình truyền giáo Phương Đông kể từ lúc đó, nhưng mãi mãi, giáo sĩ sẽ không bao giờ còn gặp lại người đàn bà của thành Goa.
              Buổi sáng đó, buổi sáng có những khúc lụa bay chậm rãi trong giấc ngủ thiu thiu, De Rhodes có cảm giác một làn sương sớm tinh khiết thơm cây trái đang phả suốt hầm. Hương hoa mỗi lúc một toả ngát đậm đặc lấn át dần mùi xú uế. Cha cố tỉnh ngủ hẳn. Ông nhìn trân trối đoá hồng đỏ gắt đang mọc nhú từ từ, trổ từ bức tường lâu năm ám khói, thứ hồng đỏ gắt rực rỡ Nhật Tân mà có lần De Rhodes đã trông thấy ở xứ bảo hộ Bắc Kỳ. Cha cố kinh ngạc không hiểu vì sao khóm hồng đỏ lịm đã có thể đâm xuyên thủng trần hầm thư viện. Nhưng rõ ràng các đài hoa đang nứt rạn vách đá. Trong một phút, ngôi huyệt cổ đơm chi chít mẫu đơn, glạeul và hồng tía, tựa nhà thờ sắp có lễ giao. De Rhodes lấy tay phủi mây để nhìn cho rõ và ông chết cứng khi ấy, khi tay hãy còn nắm níu những cọng mây đang trôi lơ lửng.
              Alexandre chết sững. Người đàn bà có đôi mắt thông minh của thành Goa đang ngồi trước mắt anh, chỉ cách một mặt bàn. Vẫn thiếu nữ nở nang khoẻ mạnh của đêm kiệu Maria, vẫn mái tóc đen loang loáng bóng tối loã xoã trước sống mũi tinh nghịch. Alexandre nghe hơi thở của thiếu nữ lên xuống trong lồng ngực đã qua tuổi dậy thì bung nở kiêu hãnh, nghe hơi thở hổn hển của chính anh, của vong hồn đã tắt thở ba trăm năm. Anh muốn hỏi, nhưng không sao cất tiếng. Muốn thốt lên nỗi nhớ mong da diết diệu vợi của một trăm ba mươi ngàn ngày xa cách nhưng anh chỉ có thể lắp bắp.
              - Blời ơi !
              Alexandre muốn nói anh đã tìm cô gái suốt từ bấy, từ đêm kiệu Maria chấm dứt anh đã hốt hoảng chạy suốt đêm trong thành Goa tìm kiếm, từ năm 1624 khi anh bước chân xuống những thương thuyền Bồ Đào Nha vượt đại dương đi tìm chân lý của sự sống, từ những tháng ngày lang thang lếch thếch giảng kinh ở các xóm đạo Ấn Độ, Mã Lai, Ma Cao, Hồng Kông, Qui Nhơn, Quảng Ngãi, đến đâu Alexandre cũng chỉ hỏi thăm một người đàn bà duy nhất, mong có ai thấy. Cho đến phút lâm chung trút hơi thở cuối cùng, trên giường bệnh trong thành Ba Tư, Alexandre vẫn hãy còn kêu tên người đàn bà mà anh chưa hề biết. Nhưng anh không tìm ra chữ. Không sao diễn tả thứ tình cảm vĩnh cửu nhân loại còn dai dẳng hơn cả sự sống hứa hẹn đời đời trên nước Chúa. Anh không thể thốt lên lời tỏ tình chưa ghi chép trong kinh thánh. Alexandre nhận ra miệng anh vẫn hãy còn ngậm chiếc bánh thánh ngày nào. Chiếc bánh thánh chưa bao giờ tan, chưa hề tan, chưa hoá thành máu thịt, còn ở nguyên trên lưỡi anh vị nhạt nhẽo của bột lúa mạch xây nhuyễn. Thiếu nữ cũng nhìn anh trừng trừng trân trối, cho đến khi cô gái chắp hai tay vái:
- Vâng em là Tuyết của Đời Mưa Gió, của Nhất Linh và Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn, người chịu ơn của anh!
              Alexandre Lucien Abel de Rhodes chỉ kêu lên được hai chữ thảng thốt Blời ơi rồi ngất đi. Chữ Blời mà cách đây ba thế kỷ, giáo sĩ đã nhạy cảm hiểu trong ngôn ngữ bản xứ mang cùng một ý nghĩa Đức Chúa Cha trong kinh thánh.
\*\*\*
              Trung úy Bernard de Lattre de Tassigny là một trong những sĩ quan trẻ còn sống hiếm hoi của trung đoàn 3 Lê Dương. Khác với đồng đội, đa số đã quá cố nhưng vẫn tiếp tục hiện dịch, Bernard mang trên mình sức sống còn trinh nguyên của những bông lys trắng chưa héo uá. Viên trung úy trẻ mang vẻ đẹp cao sang quyền quý của những tử tước thời trung cổ, vừa vương giả, vừa tinh khiết của các cô dâu ngày cưới. Nét đẹp của Bernard de Lattre trong trắng đến mức quân phục của anh không bao giờ có thể lấm lem, ngay cả những khi viên trung úy lội sình bùn dẫn một trung đội đi phục kích ở làng Trà Linh, sát cạnh biên giới Trung Hoa. Suốt một đêm ngâm trong sình lỏng, hỗn chiến ác liệt lúc chạm súng, đám lính Lê Dương cáu bẩn bê bết máu, nhưng trung úy De Lattre thẳng thớm như vừa bước chân ra khỏi hiệu giặt ủi. Nhưng khác hẳn đại tướng Jean de Lattre, Bernard không đi tìm hào quang chiến thắng, không ước muốn chinh phục Đông Dương, anh chỉ mang một khát vọng duy nhất, đơn sơ, thầm kín, tìm thấy tình yêu lứa đôi trong đời sống. Trung úy De Lattre là sĩ quan duy nhất không xuống xóm nhà thổ, anh tin vào thượng đế và giữ mình cho tình yêu lớn sau này. Nhưng đó là chuyện của một năm trước, khi đồn Phủ Tổng Hoà chưa thất thủ, khi đường thuộc địa số 3 chưa bị cắt. Thời gian Cao Bằng bắt đầu bị vây hãm, tựa tên khổng lồ bị chôn giữa rừng, chỉ còn nhô chiếc đầu cổ quái khổng lồ lên nhìn ngắm núi đá, hai tay, một níu Bắc Cạn đã bị chặt, một níu Lạng Sơn cố gắng vung chiếc chùy sắt đập lũ dơi đang hút máu, Bernard de Lattre chỉ còn là một thân xác tuyệt vọng sống đợi chết.
              Buổi trưa khi đồn Phủ Tổng Hoà thất thủ và mẹ bề trên Thérèse đã một trăm tuổi, đã mù loà của chủng viện Các Thánh Anh Hài bất chợt nằm ác mộng trông thấy đám giặc Cờ Đen vây đốt tu viện, không biết ở đâu có tin đồn trung úy Bernard de Lattre sắp làm lễ cưới. Tin đồn rùm beng đến nỗi, đại tướng De Lattre khi ấy còn chỉ huy đệ nhất lộ quân sông Rhin, từ Âu Châu đã phải gởi thư khuyên nhủ con trai chọn hôn phối phải có phẩm hạnh, gốc gác. Tin đồn nhiều đến mức Bernard de Lattre cũng tin là anh sắp thành hôn khi thấy các trại lính kết hoa và câu lạc bộ sĩ quan trải khăn ăn trắng muốt. Trong pháo đài chỉ có một người đàn bà da trắng duy nhất, nữ tu Louise Marie de Bourbon, phẩm hạnh và xinh đẹp. Bernard đã đến hỏi Louise cho ra lẽ, có phải dì phước đã xin rút phép thông công, thôi ân cách để thành thân với anh? Mãi cho đến lúc hy sinh ngoài mặt trận, Bernard vẫn hãy còn hối tiếc đã hỏi câu hỏi quá ngu xuẩn, dì Louise bị xúc phạm tột độ đã đóng sầm cửa tu viện để không bao giờ còn tiếp anh. Thời gian Bắc Cạn triệt thoái, các đơn vị tiền phương của sư đoàn 308 tiến đến sát bờ sông Hiểm, trung úy De Lattre bất chợt khám phá anh không thể nào tìm ra tình yêu lứa đôi trong cuộc đời, vì một lý do duy nhất, anh không thể định nghĩa được tình yêu, do đó, không thể tổng hợp những tiêu chuẩn cần thiết tối thiểu để chọn ý trung nhân. Ý thức tình yêu không thể tìm thấy, rất khó hiện hữu, bỗng khiến Bernard hối tiếc anh chưa bao giờ xuống xóm thổ, chưa bao giờ ân ái với phụ nữ. Viên trung úy đi ngay xuống xóm yên hoa ven sông Hiểm, bất chấp những ổ phục kích đêm của Việt Minh, nhưng Bernard de Lattre khám phám thêm một điều kinh khủng, anh hoàn toàn bất lực, không có khả năng sinh lý, dù nhỏ nhoi, hiếm muộn.
              Thời kỳ đó, ở Cao Bằng lại thêm tin đồn trung úy De Lattre, con trai tân tổng tư lệnh quân đoàn viễn chinh tương lai, sắp tử vong. Nhưng kỳ quặc, khác với tin đồn thất thiệt lễ cưới, do các sĩ quan Pháp chòng ghẹo chế riễu, chính dân bản xứ kháo nhau đám tang sắp đến của Bernard sẽ đi qua phố Chả Cá, bên hông nhà thờ chính toà. Tin đồn nghiêm chỉnh đến độ mỗi lần Bernard xuống phố, các sắc tộc thiểu số Nùng, Mông, Mán, cả người Kinh đều cúi đầu vái lạy anh như đi điếu. Viên trung úy bắt đầu thắc mắc, nỗi nghi ngờ tăng dần lên sau mỗi khi xin xăm, gieo quẻ ở các ngôi đền An Nam. Khác Francis Garnier, khác Henri Rivière, Bernard yêu thích đặc biệt kiến trúc gỗ Á Đông. Anh lui tới thường xuyên các chùa chiền và  khám phá tục bói toán An Nam. Thời kỳ đó, những ngôi chùa lớn nhất của Thăng Long đều có văn phòng đại diện tại Cao Bằng, Bernard đã viếng hết những văn phòng chùa cổ nổi tiếng nhất, đã đến chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Quan Thánh, chùa Trấn Võ, Văn Miếu Quốc Tử Giám và lần nào lấy lá số tử vi, các thầy An Nam cũng đều quả quyết anh sẽ chết ở Đồng Khê, một trăm thầy như một, nhất quyết anh sẽ chết ngày 30 tháng 5 năm 1950. Thậm chí có quẻ còn cho cả giờ chết, là giờ Thần Trùng khiến sau này anh sẽ bắt đi đại tướng Jean de Lattre de Tassigny, khi ông đang ở trên tột đỉnh vinh quang của danh vọng sau chiến thắng Vĩnh Yên. Ban đầu, Bernard đầy nghi hoặc, đã điện về phòng quân số của bộ tư lệnh Bắc Phần, đích thân tướng Alessandri đã trấn an, khuyên anh yên tâm sẽ không chết ở Đồng Khê, vì tất cả các phúc trình báo cáo đều ghi rõ tìm thấy xác trung úy Bernard de Lattre tại Ninh Bình, trong trận bờ sông Đáy, ngày 30 tháng 5.1951, đúng một năm sau đó. Suốt mấy tháng liền, Bernard rất hoang mang, anh không biết đâu là sự thật, đôi lúc tin vào quân sử, vào thực tế hiển nhiên, đại tướng De Lattre chưa sang Đông Dương, chưa có trận Vĩnh Yên làm sao có trận Ninh Bình, và tổng chỉ huy đương nhiệm vẫn hãy còn là tướng Carpentier, nhưng tất cả các quẻ xin xăm ở đền An Nam đều mang một thông điệp trái ngược rùng rợn: Đồng Khê mạng vong lúc 9 giờ sáng.
              Buổi trưa đến nhà thờ chính toà thị xã, để từ giã vong hồn cha cố, trung úy De Lattre đã xuống tinh thần lắm. Đã mùng 9 tháng 4, chỉ còn đúng 7 tuần nữa là đúng ngày thần Trùng đến bắt người, mà De Lattre tin chắc anh có tên trong danh sách. Trung úy De Lattre cũng khám phá cơ thể anh đang biến dần thành xác chết, da mặt anh xanh tái, môi thâm và tròng mắt càng lúc càng trắng đục. Bernard cố đổ lỗi do anh mất ngủ, hút thuốc lá quá nhiều và sợ hãi, nhưng rõ ràng là da thịt anh đang chết đi từ từ, chết dần dần đến nỗi anh ăn uống không còn cảm thấy vị giác gì nữa, hai bàn tay lúc nào cũng lạnh ngắt như bàn tay xác chết. Bernard cũng bắt đầu có những dấu hiệu mắc hội chứng buồn thối ruột giáo sĩ. Thứ chứng bệnh chỉ xẩy đến cho đàn ông không toại nguyện thân xác. Anh đã bắt đầu ợ hơi thum thủm và mỗi khi đánh rắm, mùi xú uế thối kinh dị. Bernard tin chắc anh sắp chết, không ai có thể cứu nỗi. Anh muốn đến viện Pasteur khám, nhưng trông thấy những đứa trẻ mắc chứng trừu run chân uống thuốc tẩy não, tuy hết bệnh, nhưng tròng mắt ngô nghê, đầu óc trống rỗng, cứ cười toét miệng khiến anh kinh hoảng. Những tuần lễ sau cùng, các quẻ xăm trở nên khẩn cấp, các tờ chú giải chỉ in đậm một chữ duy nhất, tử vong, nhấp nháy liên hồi như muốn báo nguy hiểm.
              Buổi trưa đến chào cố đạo, viên trung úy trông thê thảm. Quần áo anh dơ bẩn, vấy ố, tựa vẻ đẹp trắng trong đã bị chứng thối ruột gan ăn nhấm. Bernard vừa nhận được lệnh thuyên chuyển đơn vị đi đóng đồn Đồng Khê, nơi anh sắp chết. Trung úy De Lattre thấy rõ, anh đang bước dần đến định mệnh, không thể thoát, không thể tránh khỏi. Buổi trưa nắng gay gắt, nắng ran trên mái lô cốt của hàng rào phòng thủ, Bernard de Lattre trang bị rất nhiều vũ khí, ngoài súng colt chỉ huy, anh còn mang bazooka và mìn chống chiến xa, viên sĩ quan luôn sợ hãi chạm trán thần chết, bắt gặp thần Trùng ở mỗi góc phố. Bernard muốn chết trong danh dự, chiến đấu đến phút cuối cùng của đời binh nghiệp ngắn ngủi. Anh cũng không dám đi một mình, sợ thần chết kéo cả bầy. Cùng đi với anh có toán lính da đen lực lưỡng cầm trung liên nồi mở đường. Đám lính đi qua những con ngõ im ỉm, tất cả mọi cửa sổ, cửa cái của các hiệu thương buôn đều đóng kín, cả những gánh hàng rong cũng vất lây lất, không kẻ mua, người bán, chỉ nổi những váng nước vối tím tái. Đám lính đi qua lối đi ngoằn ngèo, giữa trưa im phắc, không tiếng động, không một chút âm thanh nào khác ngoài tiếng cựa mình của bụi. Tất cả phố xá đều mang dấu hiệu một lễ tang của những ngày sau hoả thiêu, một nhà mồ. Nhưng khác mọi khi, các gốc sữa phía sau nhà thờ xum xuê rậm rạp trổ hoa trắng khác thường, tiết ra mùi sữa bột Guigoz nhờn nhờn của khi vừa trộn nước sôi và vườn cà đã ba trăm năm chưa cho trái chen chúc, lúc nhúc những quả cà to bằng trái bí rợ nằm lổn ngổn trên đất. Bernard bỗng cảm thấy thấy sợ. Tất cả mọi thứ đều khác lạ, làm như có bàn tay vô hình lướt qua vạn vật. Chỉ có thể là thần Trùng.
              - Ối anh đừng bắn ! Em lạy anh đừng bắn !
              Thiếu nữ rên lên hốt hoảng lúc viên trung úy tông cửa. Bóng tối của giáo đường vỡ oà với ánh sáng ập vào nền đá như rải lửa. Dưới tượng Đức Mẹ cũng đang hốt hoảng, Bernard chết sững. Cô gái chắp hai tay vái không ngớt.
              - Ối anh đừng bắn ! Em là Tuyết của Đời Mưa Gió, người chịu ơn của anh !
              Mãi về sau, trung úy De Lattre vẫn hãy còn nhớ đã choáng váng, lảo đảo như trúng sét. Anh vừa trông thấy rõ rệt định nghĩa tình yêu bấy lâu tìm kiếm, chép đầy đủ trên thân thể cô gái không sót một hàng, một chữ nào. Bernard đánh rớt quả mìn chống chiến xa lúc đó, trong hồi tưởng anh hoàn toàn không nghe thấy tiếng chân hối hả của đám lính ngã bổ hứng quả mìn sợ bật kíp bung nổ. Cả tiếng hỏi nhốn nháo quát tháo và tiếng động gạt tung các tấm phên chắn trước phòng xưng tội lùng sục đặc công Việt Minh và tiếng cơ bẩm lên đạn lục soát một vòng những băng gỗ cầu nguyện của toán cận vệ. Anh nhớ đã rất ngạc nhiên vì những người lính không trông thấy cô gái, đang quỳ trước mặt anh van vái. Bernard nhớ rõ, thiếu nữ in hệt người đàn bà trong trí tưởng bấy lâu anh lùng kiếm, đôi mắt lá răm cuống quýt, mái tóc đen bóng tối, nước da ửng mật giữa trưa nóng, cô gái mang suốt thân thể những bí ẩn của tình yêu và điều kỳ lạ, anh đọc được hết tất cả những mật mã ghi chép tường tận trên da mặt cô gái, viết chi chít ở vành môi dầy và lan xuống đến hai vai, ở bắp tay thuôn nõn săn chắc, đầy ắp ở lồng ngực lên xuống chỉ bị che khuất bởi vạt áo lụa đang trải ra trước mắt. Bernard nhớ anh đã vật cô gái ra đất, xé toạc áo sống để nhìn cho rõ những nguyên lý thầm kín của tình yêu chép nắn nót trên hai bầu ngực, viết quanh rốn, xâm từng chữ ở hai đùi và chính giữa bụng thiếu nữ. Và kỳ diệu, mỗi khi đọc đến đâu, xác thân anh sống lại, hai bàn tay ấm dần, tròng mắt trong xanh và môi không còn thâm tím. Bernard đọc ngấu nghiến tất cả những chữ viết xoắn xít trên mình thiếu nữ, anh không thể nhớ đó là chữ La Tinh, An Nam hay Tây Ban Nha, chỉ nhớ anh có thể hiểu hết tất cả, những định nghĩa tình yêu đang chảy đột ngột tuôn vào người anh như sấm sét.
              Cái chết đột ngột của trung úy Bernard de Lattre de Tassigny ngay sau đó, ở trận tổng công kích Đồng Khê khiến không ai rõ chuyện gì đã xẩy ra trong nhà thờ chính toà, nhưng những năm sau thánh chiến, đám lính da đen ít ỏi còn sống sót kể những câu chuyện lạ lùng. Buổi trưa vong giáo sĩ De Rhodes bay đi giảng kinh ở các bản làng Nùng, Thổ, trung úy De Lattre đến nhà thờ và hoá điên. Đám lính da đen trông thấy ông vật lộn một mình với khoảng không, tuồng ông rơi vào trạng thái động kinh tâm thần, toán lính cận vệ ngỡ ông sắp sốt xuất huyết, vội vã chích huyết thanh, nhưng De Lattre đã giận dữ đuổi cổ tất cả ra khỏi nhà thờ. Đứng ngoài cổng những người lính châu Phi nghe rõ viên trung úy thở hào hển, hối hả gục mặt xuống đất hôn như mưa lên nền đá hoa cương, đôi lúc đối thoại bí mật với một người đàn bà nào đó, có lúc gần như tỏ tình đắm đuối đến kiệt sức. Suốt buổi chiều Bernard de Lattre ở trong nhà thờ, cho đến khi bước ra, gương mặt ông mang nỗi si mê kỳ dị. De Lattre vứt bỏ vũ khí, cởi quần áo, nhảy xuống sông Bằng Giang bơi đến tận nguồn, mãi đến tối mịt ông mới bơi trở về, và chuyện lạ hiếm có, lần đầu tiên ông dẫn cả đơn vị xuống xóm thổ, đãi bia và thuê bao tất cả những cô gái điếm kinh nghiệm. Suốt đêm đó, cả thị xã không ai ngủ được vì tiếng rên la thoả mãn không đứt quãng của các cô gái nối tiếp nhau thay phiên làm tình không ngơi nghỉ với viên trung úy. Tiếng kêu la khoái lạc vọng đến sáng và rất đông đã có thai sau đó. Nhiều năm sau chiến tranh vẫn còn nhiều cô gái giắt con đến đại sứ quán Pháp ở phố Lý Quốc Sư, xin mang họ De Lattre, xin nhập tịch và lãnh trợ cấp trong lúc chờ đợi định cư ở mẫu quốc.
              Tin trung úy De Lattre tìm thấy định nghĩa tình yêu loan rất nhanh, trở thành hiện tượng trong những ngày trước trận đánh thảm khốc đường biên giới. Ai gặp De Lattre cũng hỏi xin định nghĩa tình yêu nhưng viên trung úy bảo mật cho đến phút chót, cho đến khi lên quân xa dẫn đại đội đi đóng đồn Đồng Khê. Câu chuyện của toán lính da đen chấm dứt ở đó. Những kẻ tò mò muốn biết bí mật của nhà thờ chỉ nghe kể, khi tiểu đoàn thủy binh từ bờ sông Đáy được lệnh bằng mọi giá tái chiếm núi đá vôi Ninh Bình, trung đội khinh binh đi đầu đã tìm thấy xác Bernard de Lattre hãy còn tươi nguyên, còn giữ nguyên trong tròng mắt chưa khép những hàng chữ viết li ti chi chít một thứ ngôn ngữ kỳ dị nào đó mà không ai có thể hiểu. Đó là thời lính Lê Dương ưa hát những bản nhạc của quỷ:
Louise Marie où vas tu dans le monde ?
Je vais où vont les soldats.
Louise Marie qui aimes tu ?
J aime celui qui va mourrir.
et le diable en rit, Ha, Ha, Ha, Ha.
              Cũng là thời Tuyết dứt khoát thôi ăn ở với Chương trong Đời Mưa Gió.
                                                 \*\*\*
              Ban đầu là tiếng sầm sầm như nhà thờ có gió lộng. Tiếng gió vần vũ mỗi lúc một lớn khiến Tuyết thức giấc. Tiếng gió sồng sộc thổi tốc các viên ngói bay thốc tháo ở phố Tây làm rung các tấm tôn của phố Chả Cá vang lên như tiếng kêu của thú rừng. Tiếng gạch đá lăn bị gió quất lên vách nhà thờ từng chập nghe rõ mồn một. Tuyết bật dậy bước ra khỏi chồng bản thảo cha cố xếp ngay ngắn bên cạnh tiểu thuyết Đời Mưa Gió. Tối qua cả hai ngủ muộn. Tuyết đã xưng tội với giáo sĩ suốt đêm đến gần sáng. Trong suốt cuộc đời của một nhân vật tiểu thuyết Tuyết chưa bao giờ sống một buổi tối kỳ lạ như thế. Quá khứ của nàng cứ lần lượt trôi qua trong đôi mắt xanh thăm thẳm của giáo sĩ. Kể cả những ngày mới gần đây sống bên cạnh cha cố, tất cả cử chỉ của một người đàn ông vô cùng thông thái, lịch duyệt và cưng chiều nàng hết mực cũng diễn ra chậm chạp. Đến suy nghĩ của chính nàng, Tuyết cũng trông thấy lại. Tuyết không sao hiểu nỗi đức cha có thể sống với chứng bệnh buồn bã thối chín ruột gan, thường trực chảy nước vàng ở dương vật. Ngay hôm đầu tiên Tuyết đã quyết định nấu nước cho giáo sĩ tắm. Trong lúc ông ngâm trầm hương trong chiếc lu cổ, Tuyết đem hết tất cả những tấm áo chùng bẩn thỉu đi giặt giũ. Tuyết đã rất ngạc nhiên khi không có ai trong hiệu giặt ủi cao cấp đô thị trông thấy nàng, mặc dù Tuyết đã lên tiếng gọi nhiều lần, cuối cùng, Tuyết đành bỏ chung giỏ đồ giặt của khách và hôm sau lẳng lặng đến lấy. Mỗi tối Tuyết dọn ăn trong phòng riêng của cha cố. Tuyết hay hầm chuột sốt vang với mận Tây Bắc, ngâm với lá nguyệt quế, có khi băm nhỏ chục vắt tươi với hành sống tưới mật trộn sữa làm gỏi, những món cha cố rất thích. Chính lúc trông thấy lại cảnh chính tự tay nàng lột da cóc, Tuyết mới sực nhớ đã quên lạng lấy mật vất bỏ, nhưng rất may giáo sĩ đã chết, nên khi ăn trúng mật cóc ông không chết nữa. Những ngày sống trong nhà thờ, vào ra trên khoảng sân lát đá xanh, trông thấy chiếc bóng của chính nàng nhập vào với bóng Đức Mẹ, Tuyết không ngớt suy nghĩ. Tự trong thâm tâm Tuyết biết De Rhodes lầm lẫn nàng với người đàn bà thành Goa, lỗi do Khái Hưng và Nhất Linh đã không miêu tả nàng rõ rệt, khiến De Rhodes đã chuyển hoán trong vô thức của một bóng ma, nét đẹp riêng của người đàn bà ông si mê thời trẻ lên nhân vật nữ chính của Đời Mưa Gió. Trong thâm tâm Tuyết cũng chịu ơn sâu sa giáo sĩ đã cho nàng thêm một kiếp sống, một kiếp đời, trong một ngôn ngữ khác. Giáo sĩ đã dạy nàng biết thêm tiếng La Tinh và Bồ Đào Nha, cho phép nàng trông thấy những người đàn ông da trắng. Tuyết đã quyết định thôi ăn ở với Chương và ở lại nhà thờ một thời gian phụng dưỡng cha cố, cùng phụ với ông hầu việc Chúa, ít nhất cho đến khi De Rhodes hết chứng bệnh thối ruột gan.
              Hôm đầu tiên Tuyết đã ngỡ ngàng trước ánh mắt si mê của giáo sĩ. Ánh mắt đắm đuối của những xác chết không được vuốt mắt, đã khiến nàng đỏ mặt, cùng lúc cảm động vì từ ngày Khái Hưng và Nhất Linh bỏ đi, chưa một người đàn ông nào yêu nàng nhiều như vậy. Trong thâm tâm Tuyết không yêu Chương, và tự trong thâm tâm Tuyết cũng biết Chương không yêu nàng, cả hai đã bắt buộc phải sống chung trong ngôi biệt thự số 84 đường Quan Thánh chỉ vì một lý do duy nhất, Nhất Linh đã bắt buộc họ ăn nằm với nhau. Tuyết đã thù Nhất Linh biết chừng nào, người đàn ông có cái tên Nguyễn Tường Tam mà nàng vẫn hãy còn yêu, còn kính phục và vẫn hãy còn hờn giận đến phút này. Ngay khi mở mắt, bước vào đời, Tuyết đã trông thấy gương mặt ấy, gương mặt đàn ông rắn rỏi, cương nghị và vô cùng trí thức của Nguyễn Tường Tam. Tuyết nhớ nàng đã đưa một bàn tay vuốt nhè nhẹ gò má xương của Nhất Linh, và hình như lúc đó Nhất Linh cũng đã cười nhẹ nhàng. Chính Nhất Linh đã dạy cho nàng cách đi đứng, ăn nói. Chính câu nói Vâng em là Tuyết người chịu ơn của anh,  mà Tuyết đã thốt lên với giáo sĩ ngay hôm đầu tiên, do chính tay Nhất Linh viết ở dòng thứ 13 của trang 35 và bắt nàng học thuộc lòng để ứng xử trong mọi tình huống. Tuyết biết nàng đã yêu Nguyễn Tường Tam ngay từ những giòng chữ đầu tiên của Đời Mưa Gió. Thứ tình yêu đầu đời của nữ sinh với thầy giáo, của một cô gái với phụ thân, của một cô em với anh trai, và của cả nhân vật nữ với tác giả. Thứ tình cảm tuyệt đẹp của mọi tình cảm gộp lại gọi là tình yêu. Thời toà soạn còn ở phố Cổ Ngư, Nhất Linh hay đến xem qua bản thảo chưa hoàn tất, Tuyết luôn ngã vào lòng Nguyễn Tường Tam hôn say đắm đôi môi thơm thuốc tẩu, Tuyết sẵn sàng dâng hiến cho Nhất Linh lúc đó, thậm chí những khi Nhất Linh ngồi trước bàn viết, Tuyết chỉ mặc chiếc áo pyjama duy nhất của anh vắt trên thành ghế, không cài cúc đứng tựa bên cạnh xem Nhất Linh miêu tả canh bạc đương diễn ra ở nhà bà Phủ Thanh. Có những đoạn đã khiến nàng cười ngất, cười đến ngã hẳn vào lòng anh Tam, những lúc đó cánh áo pyjama bung mở phô bày thân thể nàng, Tuyết đã chờ dợi biết bao lần anh Tam áp mặt vào ngực mình, hôn lên chiếc bụng phẳng, ôm hôn âu yếm thân thể do chính anh tạo ra, nhưng lần nào Nhất Linh cũng gỡ tay, đỡ nàng dậy, cài lại năm cúc áo và khuyên nàng đi nghỉ. Mấy ngày sau, anh Tam giới thiệu với Tuyết một người đàn ông khác. Ngay hôm gặp gỡ, Tuyết đã bị nụ cười trữ tình của Khái Hưng quyến rũ. Khác Nguyễn Tường Tam, Trần Khánh Dư lãng mạn hơn rất nhiều, chính Khái Hưng đã giắt Tuyết đi mua sắm váy đầm, nước hoa, ví cầm tay và cả đồ lót. Chính Khái Hưng đã dạy cho nàng cách vén chéo áo, cách trang điểm, vẽ mắt, tô môi và truyền dạy tất cả nghệ thuật phân tích tâm lý đàn ông. Ở Khái Hưng sức sống toát ra mời gọi, không câu nệ, cân nhắc và cứng nhắc như Nhất Linh, đặc biệt Khái Hưng cho phép nàng bỏ Chương đi chơi thỉnh thoảng ở đồng quê, không nhất thiết phải ngủ đêm lại ngôi biệt thự số 84 Quan Thánh. Thời kỳ ở Cao Bằng Tuyết vẫn chưa biết rõ mình yêu ai nhiều hơn giữa hai người đàn ông cùng tài hoa lỗi lạc này. Tuyết chỉ biết rõ nàng yêu cả hai, mối tình duy nhất, và Tuyết cũng biết nàng bị ruồng rẫy. Buổi chiều Khái Hưng đến phố Cổ Ngư viết thay cho Nhất Linh và thông báo cho nàng một tin quan trọng, Tuyết phải ăn nằm với Chương tối đó. Tuyết đã khóc hết nước mắt, đã ôm chầm lấy Trần Khánh Dư.
- Anh Dư hãy ngủ với em đi, em muốn người đàn ông đầu tiên là một trong hai anh!
- Tuyết, anh xin lỗi. Anh không thể làm khác, cốt truyện là của anh Tam, anh chỉ được mời viết chung những chương tả tình.
              Buồi chiều đó hình như Khái Hưng đã xúc động rất nhiều. Tuyết còn nhớ anh Dư đã hôn môi nàng thật lâu, đã mân mê và hôn đầu ngực nàng thật lâu trước khi dứt khoát đứng lên, bắt nàng vận áo và kêu xe đưa đến số 84 Quan Thánh để ngủ với Chương.
              Tuyết bần thần nhặt chiếc khăn san và mặc lại chiếc áo dài thâm tối qua cha cố đã vụng về làm đứt mất một cúc. Những hình ảnh của buổi tối xưng tội vẫn chưa ra khỏi tâm trí. Suốt tối giáo sĩ đã làm phép rửa tội cho nàng vào đạo. Những hôm trước đi chợ lồng thị xã, Tuyết đã nghe một số giáo dân nói giáo sĩ có biệt tài đọc hết quá khứ của những con chiên đến xưng tội, không ai có thể dấu giếm tội lỗi đã phạm. Nàng đã nghĩ xóm đạo nói quá, lúc trả tiền nhưng không ai lấy, đến nỗi nàng phải lấy trộm rau cải, Tuyết hãy còn nghe kể giáo sĩ đọc được cả quá khứ của người chết. Đến tối, quỳ gối trong nhà kín xưng tội, trước tấm lưới chỉ vang hơi thở kiên nhẫn của giáo sĩ, Tuyết hãy còn phân vân không biết bắt đầu từ đâu cuộc đời của một nhân vật tiểu thuyết mà Nhất Linh đã bắt chung chạ với mọi đàn ông. Cho đến lúc tiếng thở cảm thông của De Rhodes trở nên gần sát, ngẩng lên, Tuyết bàng hoàng trước hình ảnh của quá khứ đang ào ạt trở về diễn ra rõ mồn một trong đôi mắt cha cố, đôi mắt chứa chan quá khứ của chính nàng và xanh biếc tất cả những đại dương giáo sĩ đã vượt qua trong suốt hành trình truyền giáo. Chính lúc đó Tuyết đã thảng thốt trông thấy lại cảnh nàng tát tai Nguyễn Tường Tam khi Nhất Linh đến cuối truyện bắt nàng ho lao và trở thành một con điếm.
              - Anh đối xử với đàn bà một cách khốn nạn !
              Tuyết mắng chửi. Nàng đã tát Nhất Linh tàn nhẫn mạnh đến nỗi đến bây giờ Tuyết hãy còn đau nhức các đốt xương mỗi khi trời trở gió. Tuyết còn muốn tát nữa, nhưng Nguyễn Tường Tam đã chụp lấy tay nàng khoá cứng và mắng bằng giọng đanh thép phũ phàng.
              - Cô chỉ là luận đề của tôi, cô không có quyền gì hết để đòi hỏi. Tôi cho cô đi làm điếm là may, để cho cô có một nghề sinh sống, hay cô muốn đi theo Việt Minh? Từ nay trở đi cô đừng tìm tôi nữa, tôi đã xong luận đề của mình. Tôi không có bổn phận gì đối với cô. Thôi cô về đi.
              Tuyết đã khóc tức tưởi, như nàng đã khóc hết nước mắt ngày Khái Hưng tản cư. Anh Dư không cho phép nàng đi theo và mãi mãi Tuyết không bao giờ còn gặp lại người đàn ông kỳ tài của tiểu thuyết An Nam này nữa.
              Những ngày sau Tuyết làm tình với Hoàng Đạo ở phố Cổ Ngư để trả thù Nhất Linh. Anh Tam bỏ nàng, rời Hà Nội sang Trung Hoa đi làm một cuộc cách mạng nào đó mà Tuyết không sao hiểu. Buổi tối khuya khoắt có những cánh đào dịp Tết đang rụng rơi, Tuyết bắt gặp Hoàng Đạo đang đọc Đời Mưa Gió. Trong lòng Tuyết hãy còn đầy rẫy những giận dữ thù hận Nhất Linh đã tệ bạc, xúc phạm và nhất quyết phải trả thù làm một điều gì hoen ố thanh danh của Nguyễn Tường Tam. Tuyết ngắm Hoàng Đạo thể thao và khoẻ mạnh. Không đợi người thanh niên lên tiếng, Tuyết cởi bỏ y phục, chiếc áo dài Cát Tường Nhất Linh luôn bắt nàng mặc mỗi khi ra phố, chiếc quần lót kiểu Tây mỏng manh Khái Hưng mua tặng, Tuyết thích khoả thân trước sự kinh ngạc của đàn ông và biết rõ thân thể nàng toát ra cám dỗ dâm dục vì đã được tạo ra cho một luận đề đả phá dâm đãng. Tuyết đã chống hai tay xuống bàn viết của Nhất Linh, cho Hoàng Đạo xâm nhập. Tuyết thích làm tình với những người đàn ông không thấy mặt, cho phép nàng mường tượng đến gương mặt của anh Tam, anh Dư. Hoàng Đạo sau ân ái, gấp sách bỏ đi lặng lẽ, Tuyết lau những vết sữa trên đùi bằng chiếc khăn tay của Thạch Lam, người em trai khác của Nguyễn Tường Tam. Một lần Tuyết đã bắt gặp Thạch Lam trên chiếc giường của Nhất Linh. Thạch Lam đọc say mê những phác thảo của anh Tam. Thạch Lam mang nét trong trắng, hồn nhiên vô tư của những nụ cúc còn e ấp. Tuyết theo dõi kín đáo người thanh niên trẻ tài hoa, mà nàng biết, chỉ cần nhìn thoáng qua, chưa hề biết đến thân xác phụ nữ. Trên chiếc giường trải drap trắng tinh của anh Tam, Thạch Lam đọc miên man Đời Mưa Gió. Lúc đó Tuyết đã bắt đầu có kinh nghiệm, mỗi khi người đọc say mê tiểu thuyết, cảm nhân vật, nàng có thể hoá thân trở thành người thật. Tuyết đã hiện ra dưới chân giường Nhất Linh mà Thạch Lam không trông thấy. Gương mặt anh mang nét xanh xao của những người ốm nặng. Tuyết có nghe anh Tam than Nguyễn Tường Lân ho lao, nhưng chứng kiến tận mắt đôi môi khô khốc, tròng mắt võ vàng của tuổi trẻ khiến nàng não lòng. Thạch Lam đọc chăm chú đoạn nàng ăn nằm với Chương. Tuyết bỉ ổi anh giáo Chương nhưng cùng lúc cảm nhận ở Thạch Lam một đòi hỏi thân xác mà nàng biết, chưa hề toại nguyện. Tuyết đặt tay lên ống chân của Thạch Lam, ống chân thẳng, ốm, mà nàng biết đã đi khắp cùng ba mươi sáu phố phường. Tuyết vuốt ve Thạch Lam cho đến khi thân thể anh trở nên mạnh mẽ, gân guốc tuồng như Thạch Lam chưa bao giờ đau yếu. Lúc uống chất lỏng ấm trào ra từ thân thể người thanh niên, Tuyết có đôi chút mặc cảm phạm tội, nhưng Nhất Linh đã muốn nàng làm một con điếm thì trước nhất anh Tam phải chấp nhận nàng là một con điếm của gia đình anh. Vị sữa của Thạch Lam khác với Hoàng Đạo, trong trẻo, thơm hương bún chả Hàng Mành, xôi gấc Cấm Chỉ, và ốc nóng Hàng Gai, tất cả hoà quyện tuồng mùi vị thức ăn. Thạch Lam mất đi, Tuyết chẳng bao giờ còn được nếm vị bún thanh cảnh của Hà Nội nữa.
              Tiếng gió ầm ào trổi lên mạnh mẽ, rõ ràng có một vật nặng trĩu đang rơi xuống nóc nhà thờ với sức hút nghiệt ngã của trọng lực. Gió mỗi lúc một thổi thốc, gào rú, kéo đập những tấm phên rền rĩ như nhà thờ có đám. Tuyết quyết định lên gác chuông để trông cho rõ những gì đang xẩy ra trong pháo đài. Một ánh lửa đỏ loé qua ô cửa tò vò khiến nàng hốt hoảng. Tia chớp hực lửa nháng lên gương mặt đấng Chirst đang đau đớn vùng vẫy trên thập tự giá, nỗi đớn đau kinh dị của thân xác bị đóng đinh. Nỗi đau của Jésus Christ khiến Tuyết hãi hùng hụt chân. Các nấc thang gỗ cổ xưa vang những tiếng rên như giam hãm những linh hồn khẩn khoảng van nài trên mỗi bậc thang càng làm nàng sợ hãi. Cha cố đã kể nhà thờ Cao Bằng xây bằng những viên gạch đã có từ lâu lắm, từ những thành lũy của Mạc Đăng Dung, mỗi thỏi gạch đều chứa mang âm hồn An Nam tắm máu chiến tranh và máu người. Tuyết cố gắng đi thật nhanh lên nóc chuông nhưng những bậc thang trơn trợt nhấp nhô rung chuyển tựa có những bàn tay vô hình cứ nắm chắc lấy cổ chân nàng. Tuyết bắt đầu trông rõ những cuồng lửa từ những đỉnh núi phía tây sông Hiểm đang bay đến nhà thờ. Tuyết linh tính chuyện gì đó sắp xẩy đến, chắc chắn sắp xẩy đến một chuyện gì như đã xẩy đến cho nàng cách đây vài tuần khi trung úy De Lattre bước chân vào nhà thờ.
              Tuyết đã nhận ra ngay viên sĩ quan sắp chết. Chỉ có những người đàn ông sắp chết mới không còn một chút ham muốn tình dục nào trong ánh mắt. Chỉ có những người đàn ông sắp mệnh chung mới mang vẻ sầu thảm buồn rũ rượi và dương vật suy dinh dưỡng mềm lả như vậy. Sau lúc hốt hoảng, Tuyết đã giải bầy cho Bernard De Lattre hiểu lá số tử vi An Nam còn phải đi kèm với tướng mạo, đức năng, chỉ tay và đức năng có thể thắng số. Các thầy An Nam không thể coi tướng Tây dựa trên chuẩn Á Đông, đo nhân trung Tây Phương bằng thước đo Trung Hoa. Tuyết chỉ không thể giải thích được những quẻ xăm kỳ lạ mang cùng một chú giải, nhưng nàng thấy rõ đã giải thoát viên sĩ quan khỏi nỗi sợ hãi chết chóc. Thật sự Tuyết cũng không biết mình trúng hay sai và Bernard sẽ chết hay không, nàng chỉ biết cần phải giúp đỡ người thanh niên da trắng thoát khỏi cơn tuyệt vọng khốn quẫn. Buổi trưa đó, bằng kinh nghiệm của Đời Mưa Gió, Tuyết giúp Bernard de Lattre tìm lại khả năng giao hợp mà nàng biết, với những người đàn ông trẻ đi tìm tình yêu thân xác lần đầu tiên, xóm thổ không phải là chốn thích hợp.
              Lúc làm tình với trung úy De Lattre, Tuyết cảm thấy thật sung sướng, đã lâu nàng chưa làm tình với ai từ khi lên thị trấn Cao Bằng sống trong giáo đường hoang vắng. Nhưng Tuyết sung sướng hơn hết vì đã có một người khác, ngoài cha cố trông thấy nàng. Tuyết linh cảm kiếp đời mà giáo sĩ đem đến cho nàng, sẽ phong phú bất ngờ hơn rất nhiều kiếp đời cũ. Tuyết cũng khám phá đàn ông da trắng làm tình khác hẳn những gì nàng đã biết. Trước đây, Tuyết không hề cảm giác gì rõ rệt mỗi khi luyến ái với Chương, do Nhất Linh và Khái Hưng không miêu tả kỹ. Làm tình với Bernard, Tuyết thấy rõ người thanh niên, dù chỉ mới lần đầu đã kiểm soát hơi thở của anh, đã chờ đợi chia sẻ thân xác của cả hai, tựa cả hai cùng chống một chiếc thang hai chân giữa khoảng không chơi vơi, cùng leo lên, cùng đợi nhau và cố nghiêng ngả kềm hãm bấu víu lẫn nhau để chiếc thang khỏi chao đảo ngã đổ, để cùng đi lên đến tận trời. Lần đầu tiên Tuyết nếm vị sữa đậm sệt như cặn rượu chát.
              Vị sữa của Bernard khác hẵn vị sữa của cha cố. Một hôm mang thức ăn vào phòng giáo sĩ, Tuyết nhận ra áo chùng dù được giặt ủi thơm tho đã bắt đầu khắm. Từ hôm Tuyết bước chân ra khỏi Đời Mưa Gió, đức cha đã vui hơn, chứng bệnh buồn chín thối ruột gan đã thuyên giảm, nhưng chưa dứt hẳn, nước vàng vẫn chảy ra ở dương vật. Những lần phụ Alexandre phiên dịch tiểu thuyết, Tuyết cảm ở giáo sĩ một ước muốn thầm kín mà ông không thể nói ra, không thể viết thành lời, không thể diễn tả cách nào khác ngoài dịch tăm tắp trên các trang giấy những điều văn chương diễn tả mạch lạc, những điều mà anh Dư đã nói với Tuyết rất nhiều lần. Chức năng của một nhân vật nữ ngoài hấp dẫn bạn đọc, còn phải thoả mãn ẩn ức sinh lý của tác giả. Những lúc đó, cha cố chỉ dám ngửng lên nhìn Tuyết lén lút, lâu lâu kêu Blời ơi, rồi lại ngã vật xuống đất ngất xỉu. Những lúc đó, Tuyết cố gắng đỡ đức cha lên giường, bôi dầu con hổ, đánh gió và xoa bóp cho ông, cho máu huyết chảy đều lại, mặc dầu chính nàng cũng tự hỏi không biết trong xác chết cha cố còn giọt máu nào không nữa. Những lúc Alexandre de Rhodes bất tỉnh, Tuyết khám phá điều kỳ lạ, bàn tay nàng xoa nắn đến đâu da dẻ ông căng  trở lại, từ vết nhăn ba trăm năm đến nếp thịt bủng nhão nhoẹt cứ ngón tay nàng chạm vào vụt thẳng ra, săn chắc, cứng cáp, cả vẻ mặt cha cố cũng trẻ ra cho đến khi ông trở thành một thanh niên cao lớn không còn khòm lưng nhưng mang vẻ đẹp quyến rũ của hiệp sĩ Thập Tự thời xa xưa. Cả mái tóc rũ bạc trắng xoá của giáo sĩ, chỉ cần Tuyết vuốt lên trở thành óng ánh sắc vàng tươi lấp lánh kỳ lạ. Nhưng tất cả trẻ trung đó suy giảm dần trong ngày, đến chiều tối trở nên già nua cũ kỹ và nhăn nheo của một ông lão đã chết lâu. Cứ thế mỗi tối, Tuyết xoa bóp tẩm quất cho cha cố trở lại cường tráng trong 24 tiếng, cho đến một đêm, Tuyết quyết định chữa dứt di căn của chứng bệnh thối ruột gan, như nàng đã chữa cho trung úy De Lattre. Tuyết mút dương vật cha cố, hút hết các chất lỏng vàng hôi thối rồi nhổ xuống chậu gốm, cho đến khi chậu gốm đầy ắp phải đem đổ ở gốc sữa. Mỗi tối Alexandre de Rhodes rên la vì thân thể ông căn phồng lên đến mức áo chùng rách bươm, và mỗi khi Tuyết mút quá mạnh, bụng giáo sĩ teo tọp hẳn lại tựa tất cả ruột gan đều trôi vào miệng nàng. Tuyết cũng xấu hổ, biết nàng làm chuyện dơ bẩn, thiếu kính trọng, thiếu đạo đức của một con chiên, nhưng Tuyết quyết tâm chữa cho bằng hết chứng cô buồn giáo sĩ. Nhất Linh đã bắt nàng làm một con điếm không nhân cách, nhưng Tuyết vẫn là một người đàn bà giàu tình thương, lòng trắc ẩn. Tuyết muốn trả ân nghĩa đã thọ ơn cha cố. Mỗi tối nàng miệt mài hút hết chất nước vàng cho đến một đêm chất lỏng trở nên trắng ấm thơm mùi lúa mạch nhuyễn bột như vị bánh thánh Alexandre de Rhodes vẫn cho nàng ngậm mỗi sáng chủ nhật rước lễ trong nhà nguyện. Kể từ sau đêm ấy, giáo sĩ hoàn toàn khỏi bệnh, ông trở nên khoẻ mạnh và trẻ măng như một vị linh mục vừa tốt nghiệp trường thần học.
              Về sau khi thành thân trong âm thầm lén lút với cha cố, Tuyết vẫn không quên tiếng chuông kinh hoảng của buổi sáng đó. Buổi sáng có những gào la thống thiết trầm thống của gió và tiếng chuông co giật từng cơn tựa các quả chuông phát khùng đánh loạn lẫn nhau. Tiếng chuông nhức nhối tuông những bài kinh La ngữ hỗn độn. Tiếng chuông ma quái khiến người nghe ý thức rõ rệt cuộc đời mình trước và sau đó. Trước, Tuyết có một quá khứ tiểu thuyết An Nam, sau, nàng trở thành một nhân vật lấy Tây và không còn gì giống như trước nữa.
              Tất cả xẩy đến khi Tuyết bước chân lên bậc thang chót, những quầng lửa bay đến sát nhà thờ đến nỗi nóc chuông đỏ như được thắp sáng nến. Tuyết cất tiếng gọi Alex ? nhưng chỉ có tiếng gió bật tiếng kêu của chính nàng rơi vỡ vụn trên các nấc thang. Chính lúc đó Tuyết nghe thấy tiếng chuông gióng từng cơn, rũ từng hồi điên dại làm như các quả chuông vụt lên cơn động kinh va đánh vào nhau liên hồi. Tiếng chuông ray rứt, phạm tội, đầy kinh động, đặc biệt vang vọng sám hối của con người trước thuợng đế. Tuyết lấy hết can đảm bước qua ngạch đá. Quang cảnh diễn ra hãi hùng như quang cảnh ở địa ngục. Các quầng lửa gào xé chung quanh vòm mái, các tia lửa bắn xẹt vung vãi cháy rơi rớt gió thổi tốc lên từng làn tro thiêu đốt các tấm rèm nhung đang oằn xém. Lẫn trong khói than mù mịt bên dưới quả chuông chao đảo là thân thể trần truồng của Alexandre de Rhodes đang trì kéo sợi dây thừng.
              - Blời ơi ! Tận thế rồi !
              Alexandre kêu lên tuyệt vọng. Tiếng chuông xô đẩy inh ỏi tựa muốn đập vỡ nhà thờ, rạn nứt các vách đá. Tuyết trông thấy rõ Alexandre không còn kiểm soát nổi đôi tay của anh, lúc này đang treo níu vào dây chuông từng lúc nhấc bổng đong đưa rồi thả xuống kéo lê liên tục. Không khí nồng nặc mùi thiên tai, thứ mùi khét mà Tuyết ngửi ra ngay tức khắc ở làn hương đầu tiên. Tuyết lao đến ôm Alexandre cố kéo anh thoát khỏi cơn động kinh của quả chuông. Lúc ôm vòng lấy lưng, dù kinh hãi, Tuyết vẫn kịp nhận ra nàng đang ôm xương thịt tươi rói đã lấp đầy vong hồn giáo sĩ .
              Đó là buổi sáng mà tất cả mọi giáo dân sinh sống trong pháo đài đều bị đánh thức bởi tiếng chuông tận thế đổ dồn ầm ĩ từ nhà thờ chính toà Cao Bằng. Cũng là buối sáng mở màn chiến dịch đường biên giới. Nhưng ít ai lúc đó có khả năng mường tượng hậu quả của trận đánh, tất cả chỉ thức giấc trong kinh sợ của tiếng chuông gọi hồn. Đó là buổi sáng tin Đồng Khê thất thủ réo về thị trấn như một lời nguyền.

\*

              Thật ra tin căn cứ Đồng Khê với hai đại đội tán binh Marốc, một đại đội thân binh An Nam, tăng cường đại đội Lê Dương của trung úy Bernard de Lattre bị tràn ngập đã bay về bộ chỉ huy pháo đài từ chiều hôm trước. Suốt đêm, các sĩ quan tham mưu của trung đoàn 3 Lê Dương sửng sốt chứng kiến một cảnh tượng lạ lẫm. Các áng mây đen ở đâu cứ trôi đùn vào bộ chỉ huy, mỗi lúc một nhiều, theo cường độ của các bản tin hấp hối đánh đi từ Đồng Khê. Đến chiều tối trở thành cơn mưa bão gió gào, sấm chớp liên tục. Đại tá Antoine Marie Pierre Charton, lãnh chúa Cao Bằng, tư lệnh trung đoàn ngồi chết lặng dưới cơn giông mỗi lúc một lớn. Sấm sét mây đen vần vũ với những tia chớp loé không ngừng trút nước từ trần bê tông kiên cố dầy năm thước của căn hầm chỉ huy chôn chìm sâu dưới lòng đất. Charton ngồi bất động dưới cơn mưa tầm tã trước phóng đồ hành quân. Gương mặt ông biến dạng móp méo thay đổi từng lúc trước các báo cáo tự động sang trang, lật mở từng phúc trình tối tăm mà không một ai đụng đến. Suốt đêm viên đại tá chứng kiến những hiện tượng quái dị. Vong các sĩ quan tử trận Đồng Khê cứ lần lượt lê lết hiện về,  trình diện cấp bậc, đưa bảng trận liệt khai báo quân số tử vong, mất tích, rồi đưa giấy khai tử chờ ký nhận tử tuất. Bàn làm việc của đại tá Charton bê bết máu, làm như tất cả thương vong ở Đồng Khê đều đã xẩy ra trên bản đồ tham mưu. Có lúc viên đại tá cũng bất ngờ trông thấy cố thống chế Ney, tư lệnh khu biên thùy đông bắc từ Lạng Sơn cũng hiện ra từng lúc, bất chợt hối thúc phản kích rồi đột ngột biến mất. Tự trong thâm tâm Charton không phục Ney, mặc dù viên thống chế đã tham dự các trận đánh lẫy lừng Iéna, Austerlitz bên cạnh hoàng đế Napoléon đệ nhất. Nhưng Ney không sao hiểu cách chuyển quân như sóng rừng của sư đoàn 308, không còn di chuyển đội hình ô vuông ban ngày, và Ney cũng không hiểu những quy ước chiến tranh do vong hồn Karl Von Clausewitz đang tiếp tục giảng dạy tại các trường đại học quân sự Tây Phương đã không còn được Việt Minh tuân thủ. Charton tin chỉ một mình ông khám phá ra chiến thuật Việt Minh. Lối đánh Phật giáo, chết đi sống lại luân hồi liên tục, khiến với quân số không tăng viện, trung đoàn Thủ Đô vẫn có thể xung phong biển người, hết lớp này đến lớp khác, mà các đại liên Bren, Browning, Hotchkiss bốn nòng không thể chận đứng. Bộ đội Việt Minh không thể tử vong.
              Gương mặt Charton tím tái. Các sĩ quan ban 3 có cảm giác mây đen đang bốc từ đầu ông, cả những lằn chớp sấm sét cũng nháng lên từ nỗi giận dữ phẫn uất bên trong mình ông. Chỉ cơn mưa lạnh lẽo trút nước chảy ra từ nỗi sợ hãi vãi đái mà viên đại tá cố dấu, nhưng không sao kềm hãm. Đồng Khê là cánh cửa cuối cùng trước Cao Bằng. Chiếm Đồng Khê, Việt Minh chặt nốt cánh tay nối Lạng Sơn biến pháo đài thành tên khổng lồ trần trụi chỉ còn trơ chiếc đầu nhô lên khỏi mặt đất đợi chém. Chưa bao giờ Charton cảm thấy ngày tận thế gần gũi, kề cận. Phòng nhì buổi chiều báo cáo, có tin Jésus Christ sống lại ở Đồng Đăng, điều đó có nghĩa ngày phán xét cuối cùng sắp xẩy đến. Viên đại tá chết cứng dưới cơn mưa bão, ông cố nhớ xem mình có phạm tội lỗi gì với các sắc tộc thiểu số Mường, Mán, Nùng, Thổ, nhưng ông không sao cử động nhúc nhích tay chân hay ban một mệnh lệnh nào, cho đến lúc nước mưa dâng từ từ ngập đến gối, quá thắt lưng, rồi dâng kín trần hầm đến mức các sĩ quan tham mưu phải thở bằng ống hút rồi dùng bình dưỡng khí dành riêng cho biệt kích thủy. Chỉ đến tảng sáng, khi thiếu tá Forget tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn III/ 3è REI bất ngờ xuống hầm chỉ huy xin lệnh, mở cửa khiến nước thoát ra ngoài giải cứu tất cả, cùng lúc đem theo những ráng hồng rạng rỡ đầu tiên của ngày, đại tá Charton mới bừng tỉnh. Đã từ lâu, theo thói quen trong chiến tranh Đông Dương, đêm thuộc về Satan, ngày thuộc về thượng đế, và thượng đế đứng về phiùa quân đoàn viễn chinh.
              Antoine Marie Pierre Charton lấy lại tinh thần, ông quyết định phản kích tái chiếm Đồng Khê bằng tiểu đoàn Trận Vong của cố thiếu tá Henry Rivière, sĩ quan thâm niên kinh nghiệm trận mạc và nổi tiếng can trường. Chính lúc đó, khi bước chân ra khỏi hầm, vắt bộ quân phục còn ướt mưa và khắm nước tiểu, đại tá Charton đã bàng hoàng nghe thấy tiếng chuông lanh lảnh buốt sắc đổ thốc tháo từ nhà thờ Cao Bằng. Tiếng chuông lạnh lẽo gọi hồn của địa ngục mà Charton biết dành riêng cho linh hồn ông. Lúc đó xẩy ra một hiện tượng kỳ quái. Linh hồn đại tá Charton quá sợ hãi đã xuất ra khỏi xác chạy trốn tìm chỗ trú ẩn dưới hầm trú pháo. Các sĩ quan tham mưu đã phải rượt theo bắt lại và vất vả nhấn linh hồn viên đại tá trở vào trong thân xác của chính ông. Phải mất nhiều phút đại tá Charton mới hoàn hồn và lấy lại phong thái chỉ huy. Buổi sáng đó, nhật ký hành quân trung đoàn ghi rõ, tin thất thủ Đồng Khê bay về pháo đài khiến bộ chỉ huy trung đoàn hoàn toàn tê liệt, nghẹt thở. Cũng buổi sáng đó, Vương Thừa Vũ, tư lệnh sư đoàn 308 đã điện lên tổng bộ Việt Minh tin chiến thắng: Đại Đoàn Quân
Tiên Phong giáng những đòn sấm sét vào Đồng Khê khiến sĩ quan Pháp mất hồn. Đó là sáng 30 tháng 5, ba ngày sau trận Đồng Khê khai diễn. Cũng là buổi sáng tin đấng Christ xuất hiện ở Đồng Đăng được kiểm chứng.
\*\*\*
           Louise Marie de Bourbon là người đàn bà thứ hai trong pháo đài nghe thấy tiếng chuông nhà thờ. Ngay tiếng chuông đầu tiên, dì phước đã biết đó là tiếng chuông ma quỷ. Tiếng chuông mênh mang đánh đi thật xa vang vọng đến mất hút rồi trở về co giật dạ con từng cơn của một cổ tử cung nào đó đang co thắt sinh nở. Tiếng chuông nức nở tựa tiếng khóc, đôi lúc gấp rút hối hả liên tục rồi chửng lại bất ngờ thành khoảng trống âm u. Giữa hai khoảng chuông chen tiếng rên la quái dị, nửa đau đớn, vừa thích thú khoái lạc của sự sống đang dẫy dụa cựa quậy trong tử cung một người đàn bà. Louise choàng ra khỏi giấc ngủ ác mộng. Dì phước cũng không hiểu vì đâu dì đã nghe ra trong tiếng chuông những hình ảnh quái thai ghê rợn. Tối qua, cho đến trước tiếng chuông, Louise đã chiêm bao thật đẹp. Hình ảnh đấng Christ hiển linh trở về đứng trước đầu giường thật đến nỗi Louise tưởng chừng chỉ cần đưa tay ra, nàng có thể chạm vào thân thể còn in vết gai, lỗ chỗ vết giáo đâm xuyên hông. Ánh mắt Jésus buồn rười rượi, nỗi buồn nén lặng mà dì phước đã có lần trông thấy trong đôi mắt cha cố, thứ nỗi buồn tê tái, chín dại ruột gan không thành lời. Louise tỉnh giấc khi hình ảnh đấng Christ vỡ vụn bởi tiếng chuông. Tất cả thân thể Jésus tan rã trong tiếng ngân nga, làm như quả chuông đánh vào đâu, mình thánh chúa vỡ tan đến đó. Louise vã mồ hôi. Đã lâu Cao Bằng không có những trận nóng sáng hầm hơi thiêu đốt. Đã lâu Louise không có những giấc ngủ khắc khoải ham muốn thầm kín. Từ rất lâu nàng không còn trông thấy lại cảnh Jésus Christ  đứng ở đầu giường mình đưa tay giắt đưa vào cuộc đời nữ tu buồn chán. Lúc còn thiếu nữ, Louise đã trông thấy đấng Christ thường xuyên, sáng ngời hào quang, hằng đêm đón đưa, đều đặn mỗi tối, đến nỗi nàng không cần có bạn trai, chỉ cần đợi đến khuya, Jésus hiện ra và nàng có thể tâm sự với Chúa thâu đêm.
              Những ngày trước tiếng chuông, ở Cao Bằng, có tin đồn Jésus Christ sống lại. Tin đồn vang rân khiến dì phước hoang mang, đến nỗi dì Louise phải xuống sở mật thám Pháp hỏi cho ra lẽ. Chính cố đại úy De La Marek, chánh phòng nhì Cao Bằng, viên sĩ quan đã từng si mê đeo đuổi dì phước suốt mấy năm, đã đưa cho Louise xem các phiếu tối mật ghi chép cùng một sự kiện. Từ hôm Đồng Khê bị vây, giáo dân sinh sống dọc đường số 4 trông thấy một người đàn ông Trung Đông tóc vàng đứng đón xe ở ngã ba Đồng Đăng. Người đàn ông thuộc chủng tộc Do Thái, mặc áo sô, đội mũ gai, có mái tóc dài toả chiếu tất cả nắng của buổi chiều. Mái tóc vàng kim óng ánh phát ánh sáng thay mặt trời và trong đôi mắt xanh chứa chan bình an của sự vật, mỗi khi nhìn về hướng nào, tất cả chim muông từ muôn phía bay xuyên suốt cây rừng về đậu nơi hướng ấy. Cả những quả mìn đắp mô cũng bật kíp lăn đến cạnh bầy chim vô hại. Các xóm đạo đã thay nhau đem thức ăn đặt dưới chân, nhưng trái cây không hề vơi, chỉ nhiều thêm và cũng không hề uá. Người đàn ông kiên nhẫn đợi xe dưới mưa suốt nhiều ngày mặc dù đường thuộc địa số 4 bị Việt Minh chốt chặn tắt nghẽn không còn xe qua lại. Đến ngày thứ sáu, người đàn ông tóc vàng trạc ba mươi ba tuổi, đã khiến mưa bão chấm dứt bằng cách xua tan những cuộn mây den. Nền trời trở nên trong vắt, xanh biển, cho phép các khu trục cơ P-39 King Cobra từ Hà Nội lên đánh bom giải toả áp lực Việt Minh. Ngày thứ bảy, người đàn ông áo trắng lên chuyến quân xa của binh đoàn tác chiến Le Page với bốn tiểu đoàn Tabors từ Lạng Sơn, vượt Kỳ Lừa đánh lên giải vây cho Đồng Khê. Binh đoàn Le Page bị chận đánh ở Thất Khê, không một tiểu đoàn nào qua lọt đèo Lủng Phài. Điều kỳ quặc chiếc GMC bị phục kích tan nát ở khúc Ngườn Kim, xác tài xế và binh lính Marốc ngổn ngang nhưng vẫn tiếp tục chạy xuyên rừng núi cho đến tận Cao Bằng. Quân cảnh Lê Dương tìm thấy xác chiếc quân xa vất ở trước cửa chợ lồng thị xã với bốn bánh xe cháy đen đủi, còn bốc khói, nhưng không một dấu vết nào của đấng Kitô.
              Louise tin chắc Jésus đã đến Cao Bằng. Không phải ngẫu nhiên đấng Christ xuống thế gian làm người cứu chuộc nhân loại lần nữa giữa lúc pháo đài bị vây hãm và Việt Minh sắp tổng tấn công. Bằng bản năng nữ tu, Louise tin tưởng trong sâu kín, việc đấng Christ sống dậy liên quan mật thiết đến tiếng chuông ma quỷ của nhà thờ. Những ngày gần đây, dì phước không còn nhận ra cha cố, giáo sĩ đã thay đổi hoàn toàn, từ phục sức thanh lịch thơm tho, dáng dấp trẻ trung tươi mát, đến nụ cười thường khi héo hắt của đức cha cũng trở nên nồng thắm làm như có dính vết son môi. Giống có kẻ nào khác đội lốt cha cố, chỉ có thể là Satan, đã ngự trị nhà thờ. Hôm đến thăm cha De Rhodes, Louise đã lạ lẫm nhìn tượng Đức Mẹ sáng lóng lánh được chùi rửa sơn phết cẩn thận, và đặc biệt có ai đã tỉ mỉ  trang điểm cô dâu cho gương mặt đức mẹ Maria bình thường không son phấn. Giác quan thứ sáu khiến Louise linh tính có sự hiện diện của một người đàn bà nào đó sinh sống trong nhà thờ mà cố đạo che dấu. Chỉ cần ngửi thoáng rèm nhung, dì phước cũng có thể đoán được mùi nước hoa đĩ thõa của một phụ nữ quyến rũ vừa bước qua, chưa khuất, còn đâu đó.
              Tiếng chuông vẫn đổ từng cơn khủng hoảng trộn lẫn những rên la gần như tiếng kêu đau trào mật của sản phụ đang sinh nở. Tiếng chuông bấu chặt tưởng chừng có thể rứt từng đường gân dưới chân tóc. Louise bước nhanh ra khỏi giường. Dì phước mặc vội áo tu, lúc đội khăn, không hiểu do đâu dì Louise nhìn ngắm mình kỹ hơn trong gương, mái tóc hung óng mượt cô bé Louise Marie đã cắt đi ngày quyết định bước chân vào sống vĩnh viễn giữa bốn bức tường đá đã mọc dài trở lại. Hai tháng nay, từ lúc các cô gái Mèo, sau khi làm tình với trung úy De Lattre nôn mửa rồi thụ thai, dì phước không ngớt phải đi thăm thai đến không còn thì giờ cắt tóc. Mái tóc hung óng lượn trong gương khiến Louise vụt thấy mình trẻ lại, còn nguyên vẹn thể xác xinh đẹp của thời con gái. Đã biết bao lần, Louise nhìn lên tượng Chúa tự hỏi tại sao? Và cũng biết bao lần ngẩng đầu nhìn ngắm đấng Christ dang hai tay trong nỗi đớn đau cùng cực của thân xác, Louise đều bằng lòng với chọn lựa của chính mình. Trong sâu thẳm, dì phước yêu xót xa người đàn ông có gương mặt rất lành cùng khôi ngô tuấn tú chịu thương khó, cùng trong sâu kín tận đáy linh hồn, Louise không bao giờ quên cách nắm tay thân mật ấm áp, dìu dặt yêu thương, nhẹ nhàng của Jésus khi bước chân vào phòng nàng hằng đêm thiết tha, khẩn nài nàng hiến dâng cho Chúa. Ngày đó, cô bé Louise Marie ngây thơ đã xiêu lòng cắt đi mái tóc hung như một thề uớc.
              Tiếng kêu rú kinh hãi của mẹ bề trên vang lên từ trong vách tường khiến Louise hốt hoảng đâm bổ sang phòng bên. Dì phước sửng sốt trước cảnh mẹ Thérèse đã trăm tuổi, bán thân bất toại, không còn đi đứng được đã có thể tự mình rời ghế lăn chui xuống gậm giường trốn tránh. Lúc dì phước cúi xuống, mẹ Thérèse chắp hai tay van vái những kẻ nào đó vụt thoáng hiện về trong trí não đã cũ kỹ, tưởng chừng đã tắt lịm chỉ còn ánh lên chút tinh anh từng lúc, từng chập mỗi khi Louise đút sữa cho mẹ ở mỗi bữa ăn. Chỉ trong giây khắc, dì phước nhận ra chính tiếng chuông quỷ ám đã xô đẩy mẹ bề trên vào tình trạng hỗn loạn tâm thần. Chính tiếng chuông ma quái đã đánh thức những hình ảnh loã lồ cách đây tám mươi năm khi mẹ bề trên hãy còn là nữ truyền giáo thơ ngây cùng bước chân xuống chiến hạm l Espingole với hải quân đại uý Francis Garnier và cùng rơi vào ổ phục kích của quân Cờ Đen dưới chân Ô Cầu Giấy. Mẹ Thérèse trong những phút tỉnh táo hiếm hoi thường kể lại cảnh đại úy Garnier bị chém đứt đầu, cắt đứt hai bàn tay bày trên lòng đường trong lúc nữ truyền giáo trẻ bị Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen bắt về hang động Hạ Long thay nhau hãm hiếp suốt chín ngày chín đêm, cho đến lúc đám giặc không còn sức ngất xỉu, và cô truyền giáo Thérèse đã trốn thoát đi bộ một trăm hai mươi cây số về đến Ô Quan Chưởng tá túc nhà lái buôn Jean Dupuis. Chính mẹ Thérèse cũng không hiểu làm sao mẹ đã có sức khoẻ để chịu đừng ngần ấy giặc Cờ Đen, rồi đi bộ một mình không ăn uống, không ngơi nghỉ. Chỉ có thể giải thích nhờ đàn ông Á châu nhỏ người yếu sức, nhưng mẹ Thérèse vẫn tin tưởng chính nhờ ơn trên đã thêm sức cho mẹ đủ nghị lực vượt thoát. Chính niềm tin vào đấng tối cao đã khiến mẹ quyết tâm tu ở dòng Carmen cho đến ngày được giáo hội La Mã điều lên Cao Bằng rồi già nua bệnh tật.
              Dì Louise cúi khom cố lôi mẹ ra khỏi gậm giường.
              -  Em lậy anh Phúc !
              Mẹ Thérèse rên lên, không ngớt lập đi lập lại tên của người đàn ông da vàng thô bạo, nỗi ám ảnh kinh hoàng của mọi kiều dân Pháp. Lưu Vĩnh Phúc, kẻ đã chém chết thiếu tá Rivière và đại úy Garnier mà Louise vẫn thường nghe nhắc. Không hiểu vì đâu, lúc đó, những hình ảnh vùi dập xâu xé hãm hiếp tập thể đang diễn ra trong đôi mắt khiếp hãi của mẹ Thérèse bình thường mù loà không còn ánh sáng, đã khiến dì phước vụt đỏ mặt. Louise vội vã bế mẹ lên ghế, đắp chăn bông, lấy khăn thấm nước mát đắp lên mặt, cố dỗ giấc cho mẹ thiu thiu ngủ trôi vào khoảng không hư vô, không thời gian, không tương lai, không thực tại.
              Louise bước ra khỏi chủng viện khi trời hừng đông.
\*\*\*
              Đó là buổi sáng Alexandre Lucien Abel de Rhodes chép trong nhật ký ba chữ La Tinh Aléa Jacta Est ! mang nghĩa định mệnh đã an bài mà những ai tham khảo thư khố toà thánh La Mã về sau, hãy còn nhận ra nét chữ thảo tài hoa, rắn rỏi vừa bay bướm của giáo sĩ. Nhật ký Hành Trình Truyền Giáo của De Rhodes sau này được xuất bản, chỉ bao gồm ba phần Goa, Xứ Đàng Trong và Xứ Đàng Ngoài, khởi đi từ năm 1619 khi ông gặp thiếu nữ có mái tóc đen và chấm dứt lúc ông rời An Nam vĩnh viễn. Những đoạn sau khi chết, chiếm 4/5 tập nhật ký, đặc biệt thời gian ở Cao Bằng hoàn toàn bị hội Thừa Sai dập xoá. Trong bản gốc, số đăng ký quốc hội Vatican, các chương ghi lại đời sống vợ chồng với Tuyết, chỉ còn mỗi ba chữ Aléa Jacta Est, các ký tự khác đều bị thuốc tẩy giặt trắng xoá loang lổ ố vàng. Những chữ li ti, chi chít, khi mất khi hiện, gần như được viết trên bụi mà nửa thế kỷ sau, chỉ những nhà văn am tường kỹ thuật hiện thực huyền ảo mới còn có thể chú giải.
              Nhưng buổi sáng đó, Alexandre de Rhodes đã viết tăm tắp trong nhật ký, những sự kiện  dồn dập xẩy đến trong kiếp ma của kiếp đời ông. Từ ngày thiếu nữ thành Goa xuất hiện, đầy rẫy những hiện tượng mà De Rhodes không sao có thể giải thích. Từ những cánh buồm trắng Y Pha Nho lộng gió của các chiến thuyền cổ xưa trí súng đại bác đồng đen, không biết ở đâu trôi đến, thả neo ven sông Hiểm mỗi khi giáo sĩ xuống các xóm chài giảng kinh, đến những lần ra nhà sách Tôn Thọ Tường chầu chực đợi thu tiền sách, dù các chủ hiệu sách sau khi khấu trừ 50% hoa hồng vẫn ít khi sòng phẳng, De Rhodes đã rất ngạc nhiên chứng kiến cảnh những đoàn kỵ sĩ mũ nồi thập tự giá, rầm rập phi nước kiệu ngang qua phố chính thị xã. Tiếng hò reo của lũ trẻ An Nam vang dậy theo tiếng vó ngựa thập tự chinh vang lừng xuyên suốt khắp pháo đài đến nỗi, lính Lê Dương ở các trạm gác cũng ngỡ đã có quân viện từ chính quốc. Rất đông các sĩ quan Pháp đã tin tưởng lữ đoàn kỵ binh giáp sắt sẽ xuất hiện chống trả Việt Minh ngày Cao Bằng bị tấn công, chỉ cần cha cố rao giảng phúc âm ở tuyến đầu. Hiếm ai lúc đó không tin tưởng vào nhà thờ, như niềm tin chiến thắng cuối cùng.
              Giáo sĩ cũng ghi chép cẩn thận giai đoạn ông gặp khủng hoảng, khi thiếu nữ thành Goa chưa bước chân ra khỏi cuốn tiểu thuyết An Nam. Thứ khủng hoảng oan nghiệt của một oan hồn, ngày cũng như đêm chui rúc trong các xó hốc, cho đến một hôm, quá tuyệt vọng ông đã treo cổ tự tử dưới đà ngang nhà thờ. Cha cố đã đau đớn dẫy dụa oằn oại hàng giờ, đã trông thấy chiếc lưỡi của ông dài ngoằng đến gối, đã đau đớn phạm điều răn đức chúa trời, nhưng ông không chết được. Sáng đó, dì Louise vào lễ, dâng hoa, đã hốt hoảng ngất xỉu trông thấy giáo sĩ treo cổ dưới tượng Chúa mặt mũi tím bầm và ruột phân lòng thòng trên đất. Đại tá Charton đã phải cho lính bắt thang lên cắt dây thừng đỡ ông xuống, những lúc đó giáo sĩ ê chề xấu hổ và mang trong mình nỗi bất lực oan khiên của bóng ma. Sự sống không còn, cái chết chưa hết, nhưng con người không có một chút quyền tự do định đoạt phần số của chính mình, tất cả tùy thuộc thượng đế.
              Cứ thế, cha cố ghi chép miên man, chỉ cần ông nhiễu một giọt mực, chữ sẽ đen đặc. Trong suốt nhật ký, trừ chương thành vợ chồng với Tuyết, mà giáo sĩ luôn đỏ mặt ngượng nghịu ít dám đọc lại, cha cố hài lòng hơn hết những chương đầu tiên khi ông mới đặt chân đến An Nam, còn mang trong mình sứ mệnh thiêng liêng cùng đức tin sáng thế ký.
              Khi đến Gia Định lần đầu tiên, De Rhodes đã biết ông đặt chân tới một vùng đất kỳ bí. Hơi nóng ngùn ngụt như thiêu, đốt liên tục suốt ngày sắc xanh hực gai góc của những cánh rừng trùng điệp ngút ngàn mà dù đứng xa ông vẫn nghe thấy tiếng trò chuyện râm ran của vạn vật. Tất cả thanh âm An Nam bật lên dưới nắng sức sống mãnh liệt hừng hực hắt dội lửa dâng lên khắp mặt đất, không chỗ nào không có tiếng nói, ngợp bóng người, như thể mỗi người đàn ông An Nam là một cây chuối xanh biết đi đứng, mỗi người đàn bà An Nam là một buồng chuối xum xuê quả. Mãi sau nhiều ngày De Rhodes mới hiểu do người An Nam chết yểu, chết sớm quá nhiều nên phải tận lực sinh sản. Và lý do tử tuất cao lẫn tiếng động không ngớt ầm ĩ, không ngơi nghỉ, từ sáng đến trưa, suốt chiều, đêm khuya cho đến thâu đêm, phát sinh ở thảm kịch sắc tộc Kinh thiếu chữ viết để ghi nhớ những chuyện cần nhớ. Tất cả dân bản xứ đều phải kể chuyện huyên thuyên, nói thật to, bất kể người đang ngủ cần yên tĩnh, để những điều cần nhớ được lập đi lập lại không dứt và truyền bá rộng rãi, cho phép những người đã quên có thể nhớ lại, và lưu truyền cho con cháu. Đến mức nhiều gia trưởng lập đi lập lại lời trăn trối của tổ tiên cho đến khi tắt hơi qua đời, và kẻ thừa kế được dòng họ nuôi nấng chỉ để học thuộc bí kiếp gia truyền và lẩm nhẩm trả bài trước bàn thờ cho đến lúc kiệt sức và cứ thế con cháu thay nhau lập lại một suy nghĩ đã có từ nhiều ngàn năm trước. Đến nỗi trong buổi giảng đầu, De Rhodes không sao truyền bá thánh kinh, vì những kẻ tò mò đến xem, không ngớt lập lại những điều gia đình căn dặn, để đừng quên, sau khi tan lễ phải ra chợ mua bao nhiêu lạng hành tỏi, gà, rau, đậu, mắm, và ghé đến nhà ai mời giỗ, thu họ, đóng hụi chết, bao nhiêu xâu tiền kẽm, khiến buổi ra mắt sách Cựu Ước thứ nhất của De Rhodes ồn ào như một chợ cá. Chính lúc đó De Rhodes quyết định ký âm thứ ngôn ngữ kỳ lạ lảnh lót như tiếng họa mi ríu rít, với mục đích giúp dân bản xứ có thể ghi chép những điều thường nhật cần nhớ, sẽ rảnh rỗi im lặng hơn khi nghe giảng kinh, và đặc biệt thôi lập lại những điều Thiên Tử ban truyền ngăn cấm giáo hội. Chỉ một thời gian ngắn, giáo sĩ nhận ra ông đã thành công. Từ khi có chữ viết, số tử vong vì kiệt sức giảm hẳn, sắc tộc Kinh thông tin cho nhau dễ dàng việc đồng áng, lúa gạo nhiều hơn, khiến thanh niên An Nam lớn nhanh như thổi, cao đến đầu gối, rồi đến bụng, cuối cùng đứng ngang tầm ngực ông, nhưng ngưng ở đó, vì dân bản xứ có truyền thống ăn rau sống với bánh tráng cuốn ruồi nhặng chấm nước dòi, đưa đến bệnh tiêu chảy triền miên làm teo tọp thân thể. Chính các Chúa Nguyễn thời đó cũng không sao ngăn cấm được thứ chữ do De Rhodes ký âm, vì rất ít ai đọc được các sắc chỉ dụ viết bằng tiếng Trung Hoa, nên không hiểu các Chúa muốn gì.
              De Rhodes cũng khám phá, sức mạnh của sắc tộc Kinh nằm trong những đứa trẻ, đông đúc chiếm hai phần ba dân số, một phần do những cụ già yểu thọ, một phần do phụ nữ An Nam mắn đẻ, chỉ cần ăn hơn một rổ khế chua đã có thể thụ thai. De Rhodes luôn luôn ngạc nhiên trước những đứa trẻ cực kỳ thông minh, linh hoạt, sinh động và gần như không bao giờ già đi, chỉ chết non vì chiến tranh. Giáo sĩ nhớ rõ, ông đã gặp một cậu bé khôi ngô, chỉ trong một tuần lễ đã dạy ông cách phát âm của mọi miền đất An Nam với tất cả thanh sắc. Cậu bé thông thạo mọi thứ, biết hết mọi chuyện, từ cách đổi tiền quan ra tiền kẽm, lãi thấp, đến cách thuê trâu giúp ông di chuyển, đến mọi thứ trái cây, đồ tế nhuyễn bản xứ. Chỉ trong một đêm cậu bé đọc vanh vách kê khai tất cả mọi món ngon vật lạ ở An Nam, và tuyên bố đã ghi chép trong hai cuốn sách do chính cậu viết. Điều kỳ lạ, thiếu niên không biết tiếng Pháp, nhưng hiểu hết những điều giáo sĩ nói, chỉ qua cử động của đôi môi. Chính De Rhodes cũng đã tiếp thu toàn bộ văn hoá An Nam qua những điều thiếu niên kể. Mãi sau, khi rời Gia Định lên Quy Nhơn, rồi ra Kẻ Chợ, giáo sĩ mới biết thiếu niên tên chữ Lê Quý Đôn, về sau chết trong trận giặc sông Gianh rồi đầu thai theo quốâc giáo, và cho xuất bản hai bộ sách Phủ Biên Tạp Lục cùng Vân Đài Loại Ngữ.
              Alexandre de Rhodes buông bút. Tiếng gió hú lê thê trong cầu thang trôn ốc xoáy gọi những tiếng kêu lạnh lẽo khiến giáo sĩ ngẩng lên. Căn hầm đá bất chợt lạnh căm căm. De Rhodes thở ra khói. Ông nghe tiếng rơi của một vật nặng đang lao xuống nhà thờ. Sức hút trọng lực khiến gió đẩy bật những cánh cửa va đóng vào nhau rầm rập như nhà thờ có kẻ phá. Tất cả trần vách rung chuyển rùng rợn như có đám đông đang chạy rần rật huỳnh huỵch trên mái. Tiếng ngói lăn thông thốc từng lúc, giáo sĩ quyết định đóng nhật ký, ông chỉ kịp viết ba chữ Aléa Jacta Est cho một mặc cảm chịu tội sắp xẩy đến, mà đã từ lâu giáo sĩ biết ông bị khai trừ khỏi hội thánh.
              Tiếng gió hú the thé mỗi lúc một lạnh buốt khắp châu thân, cùng lúc mang hơi lửa bỏng rát phả vào mặt giáo sĩ. Alexandre vừa thở ra khói vừa nóng hổi. Anh nhận ra những dấu hiệu của tận thế khi lửa và băng cùng xẩy đến một lúc.
              Alexandre bước lên tháp, anh trông thấy gió giật những dây chuông va đánh vào nhau. Các quả chuông chạm nẩy nhau nhưng không phát tiếng động. Thời đó ai sống ở Cao Bằng cũng biết đức tính hiếm quý của những quả chuông, mỗi khi đánh không phát âm thanh, không có tiếng động nào, nhưng tiếng chuông lại ngân lên ở Đồng Khê, cách đó 28 cây số. Phải mất nhiều phút tiếng chuông váng âm từ Đồng Khê mới vọng trở lại, đổ dồn về thị xã. Hiện tượng kéo dài và chính xác đến độ Alexandre phải thức sớm những sáng chủ nhật và đánh chuông trước vài phút cho kịp lễ. Những ngày sau cùng, khi Đồng Khê bị vây, antenne truyền tin của căn cứ bị pháo sập, đại tá Charton đã phải nhờ giáo sĩ đánh chuông gởi đi những bản tin mã hoá. Sáng đó các dây chuông co giật không âm thanh, trông như bầy rắn múa máy. Alexandre cảm thấy sợ, nhưng anh cũng cố gắng bước đến nắm lấy dây chuông giữ cho đừng múa lượn. Chính lúc đó các quầng lửa cuốn về nhà thờ cháy sáng lầu chuông và các tia lửa vây lấy mình anh. Trong khoảng khắc tiếng chuông ngân từ Đồng Khê réo về Cao Bằng như tiếng sấm rền. Lẫn trong tiếng chuông Alexandre còn nghe rõ cả tiếng đại bác bắn vào đồn Đồng Khê, tiếng súng cối của Việt Minh câu dòn dã, tiếng kèn thúc quân và cả tiếng hô xung phong của trung đoàn Thủ Đô. Tiếng chuông làm vỡ tan hoang gạch ngói rơi rớt lả tả chung quanh đỉnh tháp nhà thờ. Cứ vài phút tiếng chuông đổ dồn về gióng ào ạt ầm ĩ kinh động những rên la của lính viễn chinh bị thương ngoài mặt trận. Các dây chuông co giật như phát điên, quấn lấy đôi tay Alexandre như những vòi bạch tuộc nghiến thắt, khiến anh không sao giữ thăng bằng, cả người Alexandre bị nhấc bổng lên không trung theo điệu múa quỷ quái của quả chuông rồi kéo lê lết đến tận bao lơn tháp trước khi chịu lôi giật về hướng ngược lại. Ở mỗi cơn động kinh Alexandre bị các cuồng lửa bắt xém vào áo chùng làm phỏng rộp thịt da cho đến lúc tấm áo cháy tiêu và thân thể anh hoàn toàn trần truồng. Chính lúc đó Tuyết xuất hiện ở cửa tháp. Chính lúc đó Alexandre tin chắc ngày cuối cùng đã đến và Thiên Chúa sống dậy phán xét loài người.
-               Blời ơi ! Tận thế rồi !
              Tuyết ôm chầm lấy giáo sĩ lúc đó.
\*\*\*
              Về sau khi gặp lại Nhất Linh trong căn biệt thự ở Đà Lạt, bên suối Đa Mê, Tuyết còn khóc òa kể với anh Tam những thiên tai bất hạnh của mối tình phóng đãng với giáo sĩ. Tuyết đã không ngờ anh Tam cực xấu hổ, tê tái, nhục nhã và quyết định tự vẫn sáng hôm sau. Nhất Linh đã không muốn mang trách nhiệm của một nhà văn cha đẻ một nhân vật phạm thánh. Anh Tam đã lấy cái chết của chính mình để nói với người đời Nhất Linh là một nhà văn trong sáng. Tuyết đã khóc hết nước mắt trong chuyến xe tang không kèn trống, đông đảo độc giả đi đưa trong âm thầm lặng lẽ. Tuyếât đã khóc hết nước mắt lúc hạ huyệt, chôn sâu trong lòng vĩnh viễn mối tình đầu, và đã khóc nghẹn ngào cho buổi sáng thác loạn với cha cố.
              Lửa của buổi sáng đó cũng bắt vào hai vạt áo dài của Tuyết khiến cháy tiêu quần áo trên mình nàng. Tuyết khám phá ra nàng không thể chết. Nàng là một nhân vật tiểu thuyết không có khả năng chết. Gió xô đẩy cả hai đến sát bao lơn, Tuyết khiếp hãi co chân quắp lấy mình Alexandre, cho trĩu thêm sức nặng để cả hai đừng rớt ngã xuống khoảng trống chơi vơi sâu hút. Chính lúc đó trong sâu chín sợï hãi Tuyết đã cảm ra da thịt giáo sĩ tươi rói cứng cáp đâm thẳng vào cửa mình nàng đột ngột bất ngờ như tiếng chuông bỗng hét lên tiếng rú rách trời. Tuyết đã kêu lên đau đớn tưởng chừng nàng có thể ngất đi vì sướng. Chưa bao giờ Tuyết làm tình với một người đàn ông rắn chắc khỏe mạnh như với giáo sĩ, tuồng thân thể anh là chiếc gậy chống của Mọse, cây gậy chống dài có thể xẻ đôi Hồng Hải. Tuyết rên la từng cơn, mỗi lúc lửa vây lấy cả hai cháy rực các bức rèm nhung có ngọn, mỗi lúc Alexandre xâm nhập vào sâu trong thân thể nàng làm như anh cũng hoảng sợ cố bám víu vào thân xác Tuyết di truyền một giọt máu. Tuyết kêu la không ngớt, bấu chắc lấy cần cổ Alexandre đánh đu dưới quả chuông đong đưa, theo nhịp giật của dây thừng kéo lôi cả hai từ bao lơn này đến bao lơn khác, hết vực sâu này xuống vực sâu khác, rơi từ vực thẳm của sung sướng xuống những mái nhà ngói đỏ li ti rồi nhảy giật lên tháp trong tiếng rên la của thân xác.
              Chính lúc đó Tuyết trông thấy bóng Bernard de Lattre ngã xấp ven sông Hiểm. Viên trung úy chứng kiến suốt ba hôm, cảnh tượng kinh khủng của các lớp sóng Việt Minh tràn lên, lớp lớp  mà súng liên thanh không sao có thể quét hết, thậm chí cả đại bác chống chiến xa đặt ở hầm chỉ huy bắn đạn xuyên xoáy cũng không thể khoan thủng bức tường Việt Minh dầy đặc chuyển động như cánh rừng. Đồng Khê thất thủ khi những trái đạn lân tinh chót cùng và những quả đạn nổ cao của pháo 105 ly cạn kiệt. Đại úy Casanova tử thương, đại úy Brun bị bắt sống và trung úy Brondel chết ngay ở giao thông hào. Suốt đêm trung úy De Lattre dẫn đại đội sống sót mở đường máu, dẫm lên những xác chết mà De Lattre kinh hoảng khám phá đang đầu thai từ từ, chậm chạp ngồi dậy, thậm chí có những xác quân chủ lực Việt Minh chồm lên, tròng mắt trắng dã, la hét chụp lấy mã tấâu chém xối xả vào đội hình lính Pháp mà chỉ mới một phút trước đây đã bị tiểu liên của binh sĩ Lê Dương cắt đứt đôi người. De Lattre thương tích khắp mình mẩy, nhưng anh xăm xăm trong bóng tối nhất quyết trở về Cao Bằng để gặp lại người đàn bà của nhà thờ. Suốt đêm đại đội De Lattre bị Việt Minh truy kích tiêu diệt không còn ai sống sót. Chính viên trung úy cũng ngạc nhiên không hiểu động lực nào đã giúp anh vượt hai mươi tám cây số đường rừng. Chính lúc đó, khi viên sĩ quan vừa trông thấy hai nhánh sông Hiểm và sông Bằng Giang êm ái bao lấy pháo đài, lịch sử quân đội nhân dân An Nam ghi rõ, chiến sĩ Phan Đình Giót của tiểu đoàn Hoàng Diệu đã dùng lưỡi lê đâm thủng ngực De Lattre. Dưới những ráng hồng đầu tiên Bernard ngã xuống. Anh vẫn không hiểu vì sao anh đã không đau đớn, trong lúc bộ đọâi Việt Minh vẫn tiếp tục lấy lê đâm xóc vào mình. Bernard không còn sức kháng cự, anh quá mệt lả vì mất máu và đi bộ nhiều. Bernard nằm yên nhìn ngắm lính An Nam thấp như những đứa bé đang thay nhau tháo nhẫn, đồng hồ và lục khắp các túi quần anh. Cho đến lúc Phan Đình Giót cắt mạn sườn viên trung úy, thích gan cho vào bình rượu thuốc, viên sĩ quan vẫn hãy còn tỉnh táo và hài lòng đã tiêu hết lương tháng dưới xóm thổ. Tiếng chuông ngân lên lúc đó, bao la và say đắm, tựa tiếng kêu của thiếu nữ lúc ân ái, gọi anh xuất tinh để cùng thỏa mãn. Bernard nhỏm dậy, anh vụt hiểu, vì đâu anh không thể chết. Chính tình yêu tạo ra sự sống và nuôi dưỡng sự sống, giản dị như định nghĩa ghi chép trên mình thiếu nữ. Nguyên lý cơ bản của sự sống khởi đi từ tình yêu và trung úy De Lattre đang yêu không thể chết. Tiếng chuông chín tiếng, như chín lần thiếu nữ gọi anh trở về. Bernard phát lên cười khanh khách, trước sự ngạc nhiên của Phan Đình Giót. Trung úy De Lattre vừa nhớ đến những quẻ xăm rùng rợn chú giải : Đồng Khê mạng vong lúc 9 giờ sáng. Bernard cũng nhớ ra những lời Tuyết ân cần khuyên nhủ, đức năng thắng số, nhân trung Trung Hoa với nhân trung Tây khác nhau, không thể đo cùng một thước. Chết không dễ dàng như con người muốn. Bernard chỉ thắc mắc, vì đâu các thầy An Nam tinh thông lý số, kinh dịch, không thể bói ra tình yêu đến với anh bất ngờ. Viên trung úy còn thắêc mắc vì sao sắc tộc Kinh, lưu trữ bốn ngàn năm quá khứ đã không coi trọng tình yêu, thứ tình cảm đầu tiên và cuối cùng của kiếp người. Viên sĩ quan cũng nhớ, giáo sĩ De Rhodes đã có lần nói với anh, do thiếu chữ viết, người An Nam đã không ghi được những suy nghĩ trừu tượngï của họ truyền cho con cháu, chỉ có thể truyền khẩu những chi tiếât hiện thực, cụ thể. Lúc chiến sĩ Phan Đình Giót đâm mỏi tay, văng tục rồi bỏ đi, Bernard de Lattre de Tassigny trông thấy những quầng lửa kéo nhau về Cao Bằng. Các tia lửa đỏ thắm trời mà anh nghĩ  chính là máu của anh đang chảy về với Tuyết. Anh chỉ không hiểu ra vì đâu mặt nước sông Hiểm êm đềm đến vậy, khi chung quanh vạn vật hỗn chiến và lùng giết nhau cho những điều không liên quan đến tình yêu.
Buổi sáng có lửa Satan và phép màu cùng xẩy đến, dì phước là người đàn bà thứ hai trong pháo đài trông thấy Jésus Christ. Suốt đời Louise sẽ không tha thứ nàng đã trang điểm quá lâu trước tủ gương đến trễ hẹn. Sáng đó, khi những thanh âm hào hển rềân rỉ của quả chuông rưới lên mái tu viện những xúc cảm bồi hồi, dì phước đã đội lên tóc chậm rãi khăn vành trắng, cẩn thận ngắm nghía từng nếp khăn chùm tu, vẫn trong trắng như thân thể hãy còn đồng trinh của dì. Khăn vành trắng đẹp như tấm voan ngày cưới mà Louise đã kiêu hãnh phủ trùm suốt đời tu hành. Dì chỉ ra khỏi chủng viện khi tiếng chuông thúc hối, lúc lửa Satan thắp sáng quảng trường và lầu chuông gióng những tiếng chuông cuối cùng. Trong bụi khói, gỗ đá, Louise trông thấy đấng Christ khi đó, vẫn người đàn ông của ngày xưa, của những đêm trăng thiết tha bước vào phòøng nàng cúi xuống đặt lên môi cô bé Louise một nụ hôn tinh khiết. Louise đã muốn chạy đến khi ấy, bất kể lửa Satan lan đến làm cháy rụi rặng sữa. Dì phước chỉ hốt hoảng lúc gió tốc cao váy tu phô đôi chân dì trắng trẻo đến đùi trước cặp mắt thèm muốn của các phu xe kéo. Louise phải ngồi thụp xuống túm lấy cổ chân giữ cho váy áo đừng tung bay. Thật ra Louise đã có thể vất tung hết tất cả, kể cả tấm áo dòng bấy lâu không thay đổi, nhưng chính vì dì phước trông thấy Jésus đang nắm lấy tay một kẻ nào đó, mà giác quan giúp dì cảnh giác chỉ có thể là người đàn bà thơm hương nước hoa đĩ thõa hôm nào đã quyện ám trên những bức rèm nhung nhà thờ. Louise đã chứng kiến đấng Christ im lặng, nỗi im lặng sâu thẳm mà dì phước không đoán nỗi, thứ im lặng đớn đau của một người đàn ông bấât lực. Dì phước không hiểu, chỉ cảm thấy thỏa mãn, thứ thỏa mãn của người cùi mọc lại đốt tay khi dì đã giằng lấy tay chúa ra khỏi bàn tay của người đàn bà vô hình mà dì không trông thấy. Trong lòng Louise còn muốn níu thân áo trắng của người đàn ông còn phất sau cửa nhà thờ. Linh hồn Louise đã tất tả chạy lao qua quảng trường, bước lên các bậc tam cấp rồi ngã phục trên nền đất. Louise đã sững sờ chứng kiến người đàn ông nàng vừa trông thấy bằng xương thịt đã bị treo trên thập giá và ánh mắt hóa thạch bất động trên hai tay còn chảy máu ở lỗ đinh vừa đóng.
              Chính trước đóù Tuyết trông thấy Jésus Christ. Buổi sáng có lửa Satan và phép màu cùng xẩy đến. Tuyết cảm giác rất rõ rệt nàng đang băng huyết xối xả lúc giao hợp với Alexandre. Không phải do Tuyết có kinh sớm, nhưng là máu của viên trung úy đang tuôn chảy tướp khắp đùi nàng. Tuyếât đau thắt tử cung, thứ nỗi đau thường xuyên xẩy đến những ngày cuối cùng khiến nàng phải gập mình ôm bụng khóc trong lặng lẽ. Những ngày ở Cao Bằng Tuyết chiêm nghiệm rất nhiều điều, đàn ông da trắng hay An Nam yêu rất dễ dàng, quên rất nhanh, miễn sao họ còn ham muốn thân xác. Tuyết chỉ không hiểu do đâu nàng có khả năng ân ái với mọi đàn ông, nhưng không thể yêu ai từ sau ngày anh Tam bỏ đi. Đôi lúc Tuyết yêu vô vàn nét trẻ thơ của Alexandre mỗi khi anh phát âm ngọng nghịu Quy Nhin, Quẩm Ghĩa, hoặc vẻ chân thật của mỗi khi anh khăng khăng bào chữa phát âm chuẩn theo lối nói cổ của sắc tộc Kinh. Nhưng Tuyết cũng nhớ đến đôi môi say đắm của Bernard mà anh hôn không rời, những cuồng si không dứt mà hồi tưởng Tuyết hãy còn đau nhói dạ con. Bao nhiêu ngày, Tuyết thầm hỏi nàng yêu ai, và bao nhiêu đêm Tuyết ý thức nàng vĩnh viễn thuộc về Nhất Linh.
              Tiếng rú của một vật nặng đinh tai nhức óc. Tiếng xoáy lanh lảnh mà đang ôm Alexandre Tuyết phải bưng kín lấy tai sợ rách màng nhĩ. Tuyết linh tính biết tai ương sắp xẩy đến. Chính Alexandre cũng cảm giác điều ấy nên anh xuất tinh không dứt, như một ước muốn chót cùng hối hả tạo ra sự sống trước khi xuống hỏa ngục đời đời. Bao nhiêu tin đồn lửa thiêng sẽ đổ xuống thị trấn khiến cả hai biết tận thế gần kề. Chiều hôm trước, cố đại úy De La Marek hãy còn đến xưng tội với Alexandre và kể một câu chuyện thật lạ. Khi binh đoàn tác chiến Le Page rơi vào ổ phục kích, chuyến quân xa tắt nghẽn trên đỉnh đèo Lủng Phài. Bộ đội Việt Minh xung phong biển người, các toán quyết tử ôm bộc phá đánh bom từng chiếc GMC một. Lúc đó, người đàn ông áo trắng đứng trên mui xe đã chỉ tay xuống vực thẳm, trổi lên một trận lốc kinh thiên cuốn văng tất cả tiểu đoàn Nguyễn Tri Phương xuốâng hố mà không một binh sĩ  Marốc nào hề hấn. Chính các cố vấn Mỹ về sau nghiên cứu phúc trình Le Page trong trận đánh đường biên giới, đã triển khai phương pháp và cho sản xuất mìn Claymore định hướng. Nhưng Tuyết không sao biết, phải đợi đến sau này vào Nam, cuộc thánh chiến tiếp diễn, khốc liệt, nghe kể về loại vũ khí mới, Tuyết mới liên tưởng đến những chuyện đã xẩy ra ở Cao Bằng.
              Tiếng hú khi ấy, vít đinh vào sọ não, mỗi lúc một lớn tựa nguyên một tảng trời đang sập. Tiếng hú xé óc cho đến lúc ngưng bặt. Tuyết còn trông rõ trái phá chọc thủng mái nhà thờ. Tất cả vỡ oàng ngay sau đó, trong tiếng nổù khủng khiếp của quả chuông đứt dây lao cắêm xuống mặt đất. Tuyết đã hãi hùng rơi trong lòng quảû chuông xoay tít, hãi hùng trông thấy gương mặt của các sĩ quan Pháp từ dưới quảng trường chính thị xã, lớn phồng lên, cả nỗi xanh tái khám phá Việt Minh đã kéo pháo lên đỉnh núi cũng to tướng dần. Cùng lúc Tuyết hãi hùng nhận ra cơ thể nàng tiếp tục đòi hỏi giao hoan không thể dứt ra khỏi mình Alexandre trong khi cả hai ngã bổ xuống thang lầu gẫy tung các đà gỗ và rơi không kềm hãm. Chính khi ấy Tuyết trông thấy Jésus Christ, khi nhà thờ phát nổ, đỏ ối một quảng trời, gạch ngói long lở và mái tháp đổ ụp xuống thị xã.
              Phải khó khăn lắm, Tuyết mới chui ra khỏi quả chuông. Tất cả hỗn độn, ầm ĩ, hỗn mang của gạch đá khói đen đầy bụi tắt lịm cùng với tiếng chuông đứt đoạn đột ngột. Tuyết gọi Alex ? nhưng không có ai trả lời. Tiếng kêu của chính nàng thất thanh suốt quảng trường rồi vang trở về, làm như tiếng gọi cũng đã đi tìm cha cố. Có bóng người đi tới, Tuyết xấu hổ lấy tay che ngực, nhưng không ai đếm xỉa đến nàng, cả những toán cứu thương chen lấn chạy vào phố Chả Cá đang bốc cháy, xô đẩy, va chạm phải mình nàng cũng không xin lỗi. Tuyết nghe loáng thoáng cha cố gẫy hai chân phải đi cấp cứu. Nàng hối hận đã đem đến tình yêu hồi sinh khiến Alexandre hóa nửûa người, nửa ma, chịu thương tích.
              Người đàn ông nắm lấy tay nàng khi ấy.
              Jésus mang vẻ đẹp trần thế, trầm thống và cô buồn của nhân gian tội lỗi, vẻ đẹp khác thường mà Tuyết chưa hề trông thấy. Vẻ đẹp của thiên nhiên tạo hóa. Từ thân thể trong vắt những dòng suối uốn khúc ở cổ chân, đến bầøy chim ríu rít hót mà Tuyết đoán đang đậu kín dưới thân áo. Cả vẻ đẹp u uất của những cánh rừng rũ cội hiu hắt. Tuyết nhận ra ngay người đàn ông trong Tân Ước. Jésus mang tất cả nhân dáng của nhân loại, đến nỗi nàng nhận ra ngay ánh mắt nghiêm khắc của Nhất Linh, hàng mày cong của Khái Hưng, sóng mũi thẳng của Alexandre và khóe môi hơi mỏng của Bernard de Lattre. Đấng Christ tựa một người đàn ông nàng đã trông thấy nhiều lần mỗi ngày màø chưa hề gặp. Điều kỳ lạ sự dị biệt đó không tách bạch nhưng hòa quyện lẫn nhau đến mức vừa quen thuộc, đầy lạ lẫm. Tuyết nhận ra tất cả những điều Alexandre đã kể với nàng đều có thật. Jésus mang thân thể không trọng lượng, có khả năng đi bộ băng ngang qua những đại dương bão tố trên trái đất.
              Lúc đó, phép màu xẩy đến mà không một ai có thể ngờ. Tất cả mọi đám cháy đều tắt ngấm khi Jésus Christ đi qua, trận pháo kích cũng trệch ra khỏi pháo đài, tất cả những quả đạn đều rơi vãi xuống sông Hiểm. Các đống gạch đá vỡ nát bỗng dưng nguyên vẹn xếp ngay ngắn chờ đợi tái thiết, dẫy mái tôn bị pháo xụp ở phố Chả Cá thốt nhiên lợp mới trở lại có dằn bao cát chống đỡ cho trận pháo kích kế tiếp, và đất ở đâu đùn lên các nắp hầm lính Pháp dầy thêm nhiều thước. Tuyết chứng kiến rõ rệt người đàn ông đứng ở giữa quảng trường và vạn vật chung quanh trôi đến. Không phải Jésus Christ đi đến, nhưng sự vật trôi đến trước chân đấng Kitô. Từ những đám mây trong trôi ào ạt đến quảng trường xua đuổi khói than mù mịt, những tia nắng bị hút hết vào trong mái tóc Jésus sáng rỡ, những đứa bé mắc chứng trừu run chân bu đến và cả nhà thờ chính tòa đồ sộ nguy nga sập mái cũng trôi đến dần dần. Mặt đất thu hẹp lại và vạn vật thu về một hướng. Chính Tuyết cũng trôi đến trước chân chúa, dù nàng không hề cử động hay nhúc nhích, nhưng vẫn chuyển dịch chậm rãi cho đến khi người đàn ông nắm lấy tay nàng.
              - Lạy chúa tôi ! Danh Cha cả sáng !
              Tuyết thốt lên lời kinh ấy. Nàng quỳ gập người, không hiểu vì sao bài kinh La ngữ Alexandre truyền dạy cho nàng trổi lên lúc đó. Như máu huyết từ huyết quản dồn lên tim, dâng lên môi và Tuyết không thể nói lời nào khác hơn những giọt máu đang chảy trong tim nàng. Lúc ngửng lên, Tuyết bắt gặp ánh mắt đấng Christ toát ngời những hình ảnh khủng khiếp của muôn kiếp người. Khác với Alexandre de Rhodes, đôi mắt của Jésus không chỉ phản chiếu quá khứ, nhưng cả tương lai, và của cả nhân loại trong cùng một lúc. Tuyết đã bàng hoàng trông thấy cơn mưa sáng gai góc sắc buốt nhểu xuống khu vườn lan rũ úa bên suối Đa Mê, đã sửng sốt chứng kiến Nhất Linh già đi, ốm yếu, uống từng giọt độc dược đắng, đen, như những giọt mực anh đã dùng viết tiểu thuyết. Nhất Linh đã uống cạn ve thuốc độc như muốn nuốt trôi hết tất cả chữ nghĩa đã viết. Tuyết cũng trông thấy Trần Khánh Dư bị thủ tiêu bắn chết ở một miền quê hẻo lánh. Anh Dư khi chết đã cười thật tươi như anh đã luôn xem cuộc sống chỉ là những tình cảm nhẹ nhàng. Anh Dư chết như anh đã muốn đi tìm một kết thúc tiểu thuyết bí hiểm mà người đời không một ai rõ. Tuyết còn trông thấy ngày Cao Bằng thất thủ, bộ đội Việt Minh vào tiếp quản, vong thiếu tá Rivière và đại úy Garnier ra trình diện học tập ở ủy ban quân quản thị xã. Tuyết đã hét lên lúc trông thấy Alexandre bị tập trung cải tạo rồi hình ảnh biến mất, trống rỗng.
              Tuyết đã khóc ngất trong buổi sáng có lửa Satan và phép màu cùng xẩy đến. Khóc cho thân phận một nhân vật tiểu thuyết, không có quá khứ, tương lai, trong đôi mắt đấng Christ. Về sau tòa thánh La Mã không chứng nhận, không xác chứng Jésus Christ đã tái thế, chỉ vì nhân chứng duy nhất, dì  Louise bị tước phép thông công do đánh mất phẩm hạnh. Nhưng sáng đó, buổi sáng có mây trong và những khóm dâu đỏ huyết đan kín các lối đi ven rừng, các họ đạo đã khắc ghi vĩnh viễn hình ảnh nhà thờ bốc cháy. Nhiều năm sau, Tuyết cũng không còn nhớ rõ đấng Christ đã xuất hiện trước hay sau trận pháo kích. Tuyết chỉ nhớ đã khẩn khoản van nài thiên chúa cứu chuộc linh hồn nàng. Sáng đó đã xẩy ra hiện tượng thần bí. Những trang giấy to bản chép đầy chữ Hébreu, ở đâu bay đến sáng lóa và vây lấy Jésus. Từng trang đặc chữ Do Thái cổ óng ánh giát vàng lần lượt xuất hiện trước đấng cứu thế rồi biến đi, cứ tiếp tục bay đến, trang này sau trang khác, rợp trời rồi mất hút. Trên không chỉ còn lại dư âm của gió và thứ bụi vàng rây rắc gieo xuống những khóm mai yếu ớt, vừa hé nở, thắm thiết, mà không ai rõ vì sao ở cuối tháng năm khi những trận bão rừng bắt đầu đổ về miền biên giới. Tuyết hiểu nàng không có tên trên danh sách loài người khi Jésus Christ gỡ tay. Vì sao thiên chúa ngôi hai với đôi mắt chứa chan nhân ái đã im lặng, không thể cứu rỗi. Sáng đó, gương mặt Jésus buồn đắm. Sáng đó Tuyết đã khóc thật nhiều vì vụt hiểu ra nàng chỉ có thể hiện hữu bằng tình yêu khai hoá duy nhất của Alexandre Lucien Abel de Rhodes.
Đó là thời kỳ ở Cao Bằng không còn một ai tin vào chiến thắng của quân đoàn viễn chinh Pháp và lính Lê Dương vẫn hát những bài ca của quỷ:
*Louise Marie où vas tu dans le monde ?*
*Je vais où vont les soldats.*
*Louise Marie qui aimes tu ?*
*J aime celui qui va mourrir.*
*et le diable en rit, Ha, Ha, Ha, Ha.*

Trần Vũ.
Défunts 02/ 11/ 2002.
Lễ Người Chết Công Giáo.( Toussain)

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.
Đánh máy: HuyTran
Nguồn: HuyTran -
Vnthuquan - Thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 5 tháng 4 năm 2007